

Số : 122/CV-RDP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016, nay Công ty Cổ Phần Rạng Đông Holding thông báo như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**
2. Mã chứng khoán: **RDP**
3. Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (+84 028) 39692272-39696642 Fax: (+84 028) 36962843
5. Loại công bố thông tin: Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Đắc Thiện
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm 2021**
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding vào ngày 19/04/2022 tại đường dẫn <http://rangdongholding.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Bùi Đắc Thiện

Nơi nhận:

- Như nơi gửi;
- Lưu.

2021

**Rang Dong**<sup>®</sup>  
Since 1960



BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
**2021**

**VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI**



**CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**



📍 190 Lạc Long Quân P. 3, Q. 11, Tp. HCM.  
☎ +84 28 3969 2272  
🌐 <https://rangdongholding.com.vn>





**Rang Dong®**  
Since 1960

### CHỮ THÍCH VÀ VIẾT TẮT

Hội Đồng Quản Trị	HĐQT
Ban Tổng Giám Đốc	Ban TGD
Tổng Giám Đốc	TGD
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐ CĐ
Ủy ban kiểm toán	UBKT
Lợi nhuận trước thuế	LNTT
Rang Dong Holding	RDP
Rang Dong Long An	RLP
Rang Dong Healthcare	RDH
Rang Dong Film	RDF
Rang Dong Trading	RDT

*Luôn Luôn Tốt Hơn*

# MỤC LỤC

<b>I</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	
	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	02-05
	Quá trình hình thành và phát triển.	06-07
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	08-09
	Mô hình hoạt động của công ty	10-15
	Định hướng chiến lược phát triển.	16-17
	Phân tích SWOT.	18-19
	Quản trị rủi ro.	20-21
<b>II</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	
	Giải thưởng chứng nhận	22-23
	Hệ thống quản lý chất lượng	24-25
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26-31
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	32-33
	Tình hình tài chính	34-35
	Thông tin cổ phần cổ đông	36-37
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	
	Phát triển bền vững	38-41
	Báo cáo về bảo vệ môi trường	42-43
	Tiêu thụ năng lượng	44-45
	Phát triển nguồn nhân lực	46-47
<b>IV</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
	Hội đồng quản trị	48-49
	Hoạt động của HĐQT	50-51
	UBKT, các giao dịch, thù lao	52-53
<b>V</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
	Báo cáo tài chính hợp nhất	54-87

## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi : Quý Cổ đông, các Nhà Đầu tư, Quý Khách hàng, Quý đối tác và toàn thể CBCNV Tập đoàn Rạng Đông Holding !

Năm 2021, đại dịch Covid-19 đã tạo ra những thách thức chưa từng có tiền lệ với cả nền kinh tế cũng như tất cả doanh nghiệp và ngành nhựa cũng không phải là ngoại lệ. Trong bối cảnh khó khăn đầy thách thức, Rạng Đông Holding vẫn đảm bảo tăng trưởng, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn tuân thủ các quy định về phòng chống dịch.

Năm 2021 mặc dù phải trải qua những giai đoạn bất ổn của tình hình kinh tế xã hội nói chung và thị trường ngành nhựa nói riêng, HĐQT đã chỉ đạo cho Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm củng cố nền tảng ổn định vượt qua các khó khăn, thử thách. Kết thúc 2021 với sự nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành, Tập đoàn Rạng Đông Holding đã ghi nhận kết quả kinh doanh thắng lợi, tăng trưởng so với các năm trước cụ thể như sau về doanh thu vẫn giữ được mức ổn định như các năm trước toàn tập đoàn ghi nhận 2711 tỷ vượt 25 % so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận 52,8 tỷ tăng 11 lần so với năm 2020. Doanh thu tăng trưởng mạnh đã khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn, đồng thời thể hiện quyết tâm, bản lĩnh và sự sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo cũng như niềm tin, khát vọng và cống hiến của CBCNV Tập đoàn.

Thương hiệu Rạng Đông đã và đang là thương hiệu mang tầm quốc gia và đã vươn ra thế giới. Rạng Đông đã thiết lập một nền tảng phát triển bền vững đó là : hệ thống quản lý luôn được thay đổi để phù hợp với tốc độ phát triển, luôn mở rộng quan hệ hợp tác sâu rộng với các đối tác quốc tế. Chăm lo xây dựng nguồn nhân lực cùng với nền tảng văn hoá doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện.

Năm 2022 và những năm tiếp theo Ban điều hành của Tập đoàn đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu và khai thác thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng bao bì phức hợp, giả da, tôn ván và đặc biệt là các sản phẩm tiêu hao cho ngành y tế. Đưa vào vận hành nhà máy Rạng Đông Healthcare tại KCN Tân Đô với công suất hơn 600 tỷ/năm, một trong những nhà máy được đầu tư quy mô lớn tại Việt Nam để sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành y tế.

Trong năm 2022 quyết tâm thực hiện công cuộc chuyển đổi số, giảm định biên lao động, tăng năng suất, tiết kiệm chi phí triệt để, đảm bảo giá thành cạnh tranh để vươn lên cột mốc mới cho việc thực hiện doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt phát triển các dòng sản phẩm mới trong xây dựng, sản phẩm nhựa y tế ... đa dạng hoá sản phẩm. Nhựa Rạng Đông luôn ý thức về trách nhiệm tối ưu hóa lợi ích cho Quý cổ đông, các Nhà Đầu tư, Quý Khách hàng và Đối tác của Công ty.

Với những dự báo tích cực về sự phục hồi của nền kinh tế, chúng tôi tin tưởng rằng Tập đoàn Rạng Đông Holding sẽ vững vàng tiến bước sang năm 2022 với quyết tâm cao để "Vững bước tương lai" với những mục tiêu đầy thử thách, rất mong Quý Cổ đông, các Nhà Đầu tư, Quý khách hàng tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi để đạt được chỉ tiêu kế hoạch 2022-2025.

Kính chúc Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, CBCNV toàn tập đoàn nhiều sức khỏe hạnh phúc và thành công.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Tập đoàn Rạng Đông Holding



HỒ ĐỨC LAM



HỒ ĐỨC LAM | Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị | Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam



DOANH THU THUẬN

2.711 TỶ VNĐ



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

52,8 TỶ VNĐ





## SỨ MỆNH

1. CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN - THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG TRÊN TỪNG SẢN PHẨM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG.
2. HỢP TÁC PHÁT TRIỂN CÙNG KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC KINH DOANH.
3. GHI NHẬN ĐÓNG GÓP - CHIA SẺ THÀNH QUẢ - CƠ HỘI THĂNG TIẾN CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN.
4. TỐI ƯU LỢI NHUẬN - CÔNG KHAI, MINH BẠCH VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ.



## TÂM NHÌN

XÂY DỰNG RẠNG ĐỒNG HOLDING  
TRỞ THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN  
KINH DOANH ĐA LĨNH VỰC  
MANG TÂM VÓC QUỐC TẾ  
VỚI NGÀNH NHỰA LÀ TRỌNG TÂM.



*Since 1960*

## TRIẾT LÝ KINH DOANH

NỖ LỰC LAO ĐỘNG VÀ SÁNG TẠO  
NHẪM CUNG CẤP NHỮNG SẢN PHẨM  
CÓ GIÁ TRỊ TỐT NHẤT,  
VÀ "LUÔN LUÔN TỐT HƠN"  
CHO KHÁCH HÀNG.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. SÁNG TẠO
2. CHUYÊN NGHIỆP
3. CHÍNH TRỰC
4. TRÁCH NHIỆM
5. NHÂN TÂM

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**  
Giấy chứng nhận ĐKDN số : **0300384357**  
Vốn điều lệ : **476.405.860.000 VNĐ**  
Vốn chủ sở hữu : **505.502.913.543 VNĐ**  
Mã cổ phiếu : **RDP**  
Địa chỉ : **190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM.**  
ĐT: **[84-028] 39692272 | Fax: [84-028] 39692843**  
E-mail: **nhuairangdong@rdplastic.vn**  
Website: **rangdongholding.com.vn**

- 1960** – Được thành lập với tên UFEOC (Liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp).
- 1963** – Nhập khẩu các máy cán, dây chuyền máy tráng đầu tiên từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các loại giả da PVC, PU xốp, khăn trải bàn, màng mỏng PVC, vải tráng PVC, PU, vải dù chống thấm.
- 1977** – Chuyển thành Nhà Máy Nhựa Rạng Đông, trực thuộc Công ty Công nghệ phẩm thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- 1985** – Đổi tên thành Công ty Nhựa Rạng Đông.
- 1993** – Thành lập Nhà máy Nhựa Hóc Môn chuyên sản xuất bao bì.
- 1996** – Thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

- 2020** – Xây dựng Nhà máy Rạng Đông Healthcare.
- 2019** – Thành lập Công ty Rạng Đông Holding.
- 2017** – Chính thức vận hành Nhà máy Nhựa Rạng Đông Long An.
- 2015** – Xây dựng Nhà máy Nhựa Rạng Đông Long An.
- 2014** – Xây dựng Nhà máy Nhựa Tiên Sơn tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh.
- 2009** – Xây dựng Nhà máy Bao Bì Củ Chi, Tp. HCM
- 2006** – Xây dựng lại trụ sở chính tại Q. 11, Tp. HCM
- 2005** – Công ty Nhựa Rạng Đông được cổ phần hoá, chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông.
- 2003** – Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Công nghiệp.
- 2000** – Thành lập Chi nhánh Công ty tại Nghệ An.
- 1999** – Thành lập Nhà máy Nhựa 6.
- 1997** – Thành lập Nhà máy Nhựa Nha Trang tại Nha Trang, Khánh Hoà.



*Luôn Luôn Tối Hơn*



**BAO BÌ MỀM**



**MÀNG MỎNG**



**TÔN VÁN**



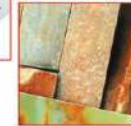
**NHỰA Y TẾ**



**GIÁ DA**



**NHỰA KHÁC**

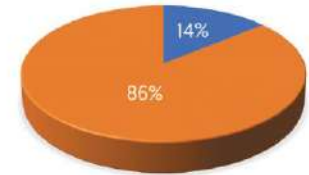


Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối sâu rộng, lớn nhất cả nước, và các đối tác là tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

Tính đến thời điểm 31/12/2021, địa bàn kinh doanh và kênh phân phối có các đặc điểm nổi bật như sau:

- >80** Khách hàng trong và ngoài nước [đa phần là khách hàng thân thiết]
- 50** Tỉnh thành trong cả nước có hệ thống đại lý, cửa hàng, nhà phân phối
- 162** Siêu thị, chuỗi cửa hàng trên toàn quốc

Tỉ trọng doanh thu trong nước & nước ngoài



■ Doanh thu nước ngoài  
■ Doanh thu trong nước



**51%** North America (Bắc Mỹ)

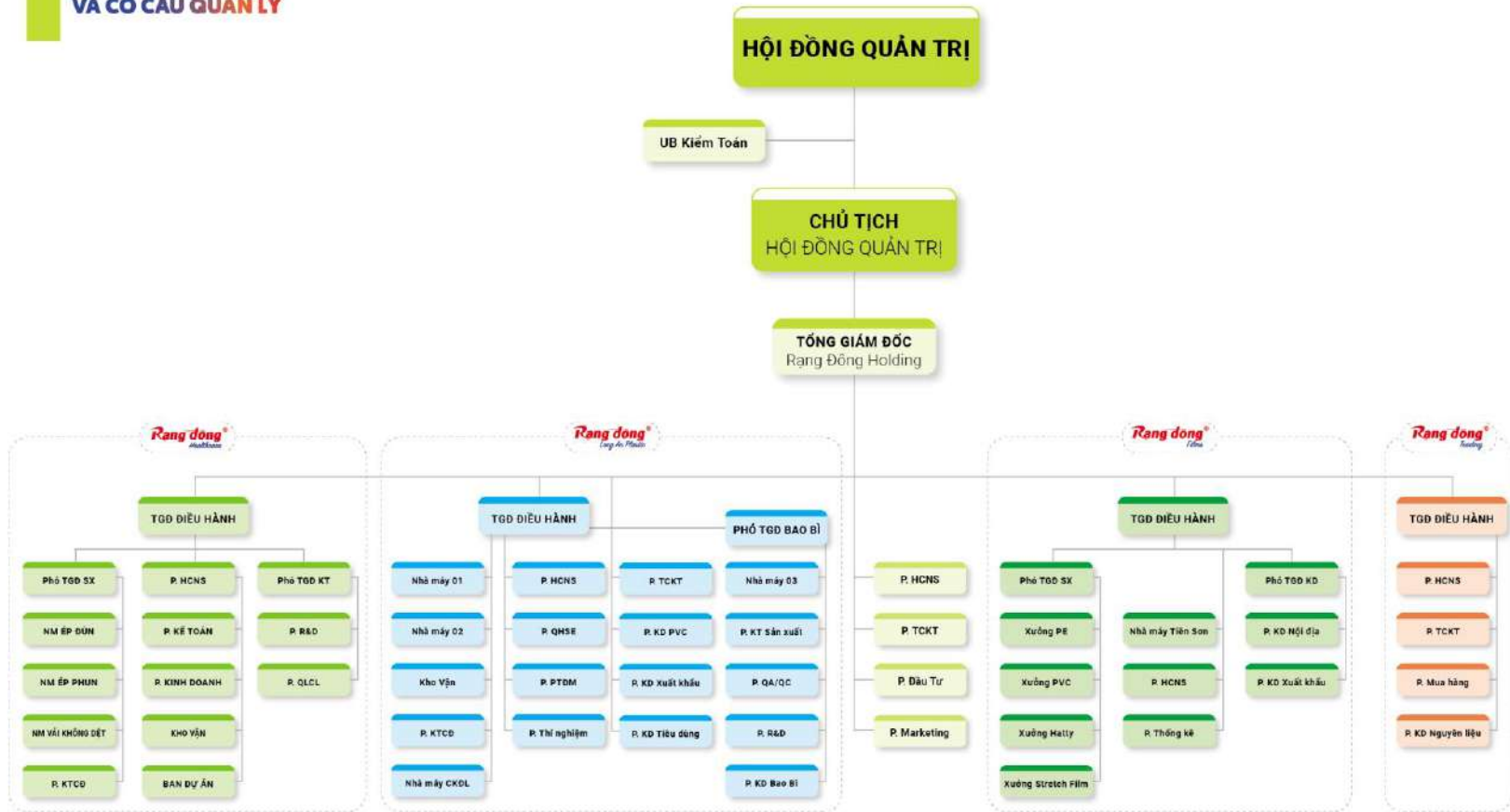
**34%** East Asia (Đông Á)

**10%** Southeast Asia (Đông Nam Á)

**5%** Africa (Châu Phi)









**ÔNG HỒ ĐỨC LAM**

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam



**ÔNG HỒ ĐỨC DŨNG**

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



**BÀ LÊ THỊ THANH THỦY**

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



**ÔNG HỒ VĂN TUYÊN**

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán



**ÔNG NGUYỄN TRẦN VINH**

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

- **1981 - 1984:**  
Công nhân điện  
Nhà máy Diêm Hóa Bình
- **1985 - 12/2005:**  
Công nhân điện  
XN Nguyên liệu giấy  
  
Trưởng phòng kỹ thuật  
Công ty CP Nhựa Rạng Đông  
  
Phó TGD  
Công ty CP Nhựa Rạng Đông
- **1/2006 đến 2018:**  
Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- **2019 đến nay:**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding

- **2009 - 2014:**  
Giám Đốc  
Cty TNHH MTV SXTM & DV Hồ Đức
- **2014 - 2016:**  
Giám đốc Cung Ứng Vật Tư  
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- **2017:**  
Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành  
Cty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An
- **2019**  
Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare
- **2020 đến nay:**  
Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding

- **1996 - 2000:**  
Chăm sóc khách hàng  
Cty TNHH TMCP ĐT-KD  
BDS City View Apartment
- **2000 - 2005:**  
Trợ lý Giám đốc  
VPĐD Hyosung Vina
- **2005 - 2007:**  
Thư ký Giám đốc  
Equatorial Hotel
- **2007 - 2015:**  
Trợ lý Chủ tịch HĐQT  
Cty CPĐT & PTCN Mỹ Việt
- **2015 đến nay:**  
Trợ lý Tổng Giám Đốc  
Cty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An
- **Tháng 12/2017 - 12/2021:**  
Người phụ trách quản trị Công ty

- **1996 - 2005:**  
Trưởng phòng Phân tích Tài chính  
Công ty TNHH NGK Coca Cola Việt Nam
- **2005 - 2007:**  
Trưởng phòng Tài chính  
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam
- **2007 - 2008:**  
Giám đốc Tài chính (CFO)  
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại  
Xuất nhập khẩu Viên Thông A
- **2008 - 2012:**  
Phó Tổng giám đốc  
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn MêKong
- **2012 - 2013:**  
Giám đốc Tài chính (CFO)  
Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên  
Coffee
- **2013 - 2014**  
Giám đốc Tài chính (CFO) & Cố vấn  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh
- **2014 đến nay**  
Chủ tịch - Kiểm Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư RIM

- **2001-2005:**  
CV phân tích Tài chính  
Công ty TNHH NGK Coca Cola  
Việt Nam
- **2005-2007:**  
Giám sát bộ phận Tài chính  
Công ty Cổ phần Greenfeed  
Việt Nam
- **2008-2013:**  
Trưởng phòng Tài chính  
Công ty Cổ phần Sản xuất  
Thương Mại Xuất nhập khẩu  
Viên Thông A
- **2013 - 2014:**  
Trưởng phòng Tài chính  
& Phân tích  
Công ty Cổ phần Tập đoàn  
Trung Nguyên
- **2014 đến nay:**  
Giám đốc điều hành  
Công ty Cổ phần Đầu tư RIM

**TẬP ĐOÀN ĐỊNH HƯỚNG  
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
VỚI CÁC MỤC TIÊU SAU**

1

Tiếp tục xây dựng Tập đoàn Rạng Đông Holding mang tầm vóc quốc tế, kinh doanh đa ngành, trong đó Nhựa là ngành kinh doanh trọng tâm.

2

Tăng trưởng doanh thu và khai thác thêm thị trường xuất khẩu trong màng bao bì mềm, giả da, tôn ván và đặc biệt là sản phẩm tiêu hao ngành y tế.

3

Đưa vào vận hành giai đoạn 1 nhà máy Rạng Đông Healthcare chuyên sản xuất vật tư tiêu hao y tế với công suất hơn 600 tỷ / năm.

4

Khai phá thị trường mới, đột phá ngành hàng mới bằng việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bắt kịp nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, dựa trên nền tảng sản phẩm & dịch vụ tốt nhất.

5

Xây dựng hình ảnh thương hiệu bằng việc thực hiện các chiến lược quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông; đồng thời cam kết đầu tư cao ở tất cả các khâu mà đặc biệt là lợi thế về hệ thống phân phối, tiếp thị và nguồn nhân lực.



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

- Nghiên cứu ứng dụng Thương mại điện tử cho tăng trưởng, ứng dụng nền tảng số hóa vào hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh. Đưa công nghệ vào hoạt động quản trị: Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự toàn diện, và áp dụng phần mềm SAP vào quản trị văn phòng; triển khai văn phòng điện tử, chữ ký điện tử nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.

- Thực hiện chiến lược xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý ISO vào kiểm soát và quản lý chất lượng nhằm phát triển bền vững, và đưa sản phẩm của Tập đoàn thâm nhập sâu rộng đến mọi thị trường trong và ngoài nước.

- Song song với chiến lược phát triển màng nhựa bao bì với tầm nhìn trở thành top 10 châu Á, Tập đoàn tiếp tục đổi mới, đầu tư, cải tiến công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt lưu tâm đến lĩnh vực nhựa phục vụ thiết bị vật tư Y tế.

- Thay đổi cơ cấu theo hướng giữ vững tốc độ tăng trưởng của màng nhựa bao bì, và đầu tư nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới màng nhựa xây dựng nhằm từng bước nâng tỷ trọng nhựa xây dựng trong cơ cấu doanh thu toàn Tập đoàn, phù hợp nhu cầu phát triển của thị trường.

- Nghiên cứu phát triển đa dạng các loại bao bì, màng thổi cho các lĩnh vực như: công nghiệp điện tử, công nghiệp phụ trợ, các loại bao bì thực phẩm, nước giải khát....

- Đầu tư thiết bị hiện đại cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, sáng tạo ra những mẫu sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường. Đầu tư công nghệ mới, hiện đại, mở rộng sản xuất với các nhà máy có qui mô lớn đạt chuẩn quốc tế.

- Liên kết thương mại đầu tư, phân phối sản phẩm với các cụm doanh nghiệp quốc tế. Tăng cường hợp tác chiến lược với Medline Industries, INC (USA).

- Củng cố khách hàng, thị trường truyền thống; khai phá khách hàng, thị trường tiềm năng, đặc biệt thị trường Âu - Mỹ - Đông Bắc Á.

- Bên cạnh đó, tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào từ nhiều nguồn khác nhau như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia... hoặc nghiên cứu tự chủ sản xuất nguyên liệu từ nguồn nhựa tái sinh, hoặc tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước, tránh tình trạng lệ thuộc vào các thị trường nhập khẩu nguyên liệu như hiện tại.

### ĐIỂM MẠNH

- Thương hiệu Nhựa Rạng Đông lâu đời và uy tín về sản xuất trong ngành nhựa từ 1960.
- Thiết bị máy móc luôn được trang bị mới cùng với đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm & gia tăng sản lượng.
- Chuyển đổi mô hình quản lý tập đoàn (Holding) đã thúc đẩy chuyên môn hóa các phân hệ đầu tư, tài chính, sản xuất, kinh doanh thương mại, vận chuyển, kho bãi.
- Tập đoàn đã đạt được các Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 22.000, SMECTA và cả Chứng chỉ FSSC 22.000 Version 5.0, Và đặc biệt, đã được Chứng nhận ISO 13485 : 2016 là tiêu chuẩn quy định với hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại các cơ sở cung cấp dụng cụ y tế và dịch vụ liên quan. Tiếp đó, là Chứng nhận ISO 17025 : 2017 chung nhận phòng thử nghiệm đạt yêu cầu theo chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất,



### ĐIỂM YẾU

- Nguyên liệu sản xuất trong nước hiện đến trên 80% phụ thuộc vào nhập khẩu nên việc bị đóng và ảnh hưởng bởi các yếu tố đầu vào như: tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế nhập khẩu...là hạn chế chung của doanh nghiệp sản xuất-kinh doanh nhựa nội địa.

- Chi phí sản xuất còn cao do đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, suất đầu tư lớn gây áp lực lên hoạt động tài chính, dẫn đến ảnh hưởng sức cạnh tranh.
- Tác động tiêu cực đến nền kinh tế, sức mua do đại dịch COVID-19.



- chứng nhận khả năng của các phòng thử nghiệm trên phạm vi toàn cầu.
- Xây dựng chính sách lao động phù hợp, nhờ đó đã giữ gìn nguồn nhân lực đặc biệt là nhân sự chủ chốt; đồng thời thu hút nhân tài.
- Chính sách chất lượng được công bố minh bạch, cam kết chịu trách nhiệm với mỗi đơn hàng giao cho đối tác; Chính sách bán hàng đến đại lý rõ ràng, công bằng; Do vậy mà Tập đoàn đã xây dựng được hệ thống đại lý trung thành và gắn bó lâu năm.
- Hạ tầng thông tin được quan tâm đầu tư xây dựng, và khai thác hiệu quả phục vụ cho hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, xây dựng và vận hành thành công SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, thông qua đó đã giúp quản lý doanh nghiệp hiệu quả và gia tăng lợi nhuận.



### THÁCH THỨC

- Nguyên liệu phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu, dẫn đến việc phụ thuộc và bị động về nguyên liệu sản xuất.
- Thị trường nhựa liên tục có sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước, ngoài nước: nguồn hàng Trung Quốc với giá thành rẻ, màu sắc, mẫu mã đa dạng thâm nhập thị trường Việt Nam gia tăng áp lực cạnh tranh. Ngành nhựa Việt Nam còn



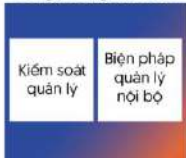
### CƠ HỘI

- Châu Âu là thị trường quan trọng, chiếm trên 20% trong cơ cấu giá trị xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực mở ra nhiều cơ hội và triển vọng to lớn không chỉ cho lĩnh vực nhập khẩu nguyên liệu mà còn cả xuất khẩu sản phẩm từ nhựa.
- Khu vực Châu Á nói chung, Việt Nam nói riêng hiện có tỉ lệ tiêu thụ nhựa bình quân đầu người còn thấp và có tốc độ tăng trưởng nhu cầu nhựa ở mức cao. Do vậy, ngoài các thị trường Âu, Mỹ, thì châu Á và thị trường nội địa còn nhiều tiềm năng to lớn để khai thác.
- Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người ổn định sẽ là động lực tăng trưởng nhu cầu của ngành nhựa Việt Nam trong 2022, và các năm tới, đặc biệt khi đại

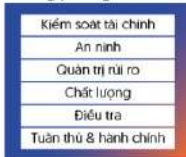
- dịch từng bước được kiểm soát.
- Tập đoàn đã và đang đầu tư và sản xuất các sản phẩm thế mạnh như: Bao bì, giả da, mang nhựa ..., là những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thiết yếu cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, đóng góp vào việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Hoạt động liên kết thương mại và xuất khẩu được đẩy mạnh. Đặc biệt, bên cạnh giữ vững khách hàng truyền thống tại các thị trường khó tính như Âu, Mỹ, Nhật, với việc ký kết thành công Hợp đồng hợp tác chiến lược với Medline (USA) đã mở ra hướng đi mới cho Tập đoàn trong việc sản xuất và cung ứng sản phẩm nhựa y tế cho thị trường Mỹ, mở đường cho việc trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam và trong khu vực.



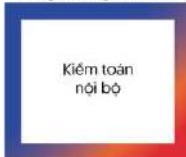
### Vòng phòng thủ thứ 1



### Vòng phòng thủ thứ 2



### Vòng phòng thủ thứ 3



### RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

Là rủi ro xảy ra khi giá trị hợp lý, hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### Giải pháp:

- Tập đoàn cân đối các khoản vay bằng ngoại tệ với các khoản thu ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý, có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro, bên cạnh đó, dự kiến các phương án về lãi suất để chủ động đưa ra các quyết định liên quan nguồn vốn tài trợ hợp lý.

### RỦI RO KHÁCH HÀNG

Ngoài việc quản lý nhóm khách hàng lớn đảm bảo việc duy trì và tăng trưởng doanh số, Tập đoàn còn xây dựng nhóm khách hàng mới tiềm năng.

### RỦI RO VỀ NHÂN LỰC

Liên quan đến số lượng, và chất lượng tay nghề của người lao động đáp ứng nhu cầu lao động.

#### Giải pháp:

- Thu hút nguồn nhân lực chất lượng, phát triển lực lượng lao động có trình độ cao.
- Đầu tư cho hoạt động đào tạo nội bộ và bên ngoài phù hợp nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực kỹ thuật, kỹ thuật và chất lượng cao;
- Xây dựng chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để giữ gìn nguồn nhân lực chất lượng.

### RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Hơn 80% nguyên liệu nhựa Việt Nam phải nhập khẩu, gây ra tình trạng bị động trong sản xuất.

#### Giải pháp:

- Quản lý tổn kho an toàn, thường xuyên đánh giá chất lượng nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý.
- Đầu tư mở rộng liên doanh liên kết, phát triển các công ty con trở thành chuỗi cung ứng sản xuất.

### RỦI RO KHÁCH QUAN BỐI THIÊN TẠI, DỊCH HOA, DỊCH BỆNH

Cuộc khủng hoảng Covid-19 hai năm qua đã bóc lột tính dễ bị tổn thương của các DN sản xuất.

#### Giải pháp:

- Các biện pháp ứng phó Covid-19, có thể được chia làm 04 nhóm: (i). Tìm kiếm các nguồn doanh thu thay thế; (ii). Điều chỉnh phương thức làm việc; (iii). Giảm chi phí lao động; và (iv). Tạm ngừng hoạt động một phần trong sản xuất.
- Đối với Tập đoàn Rạng Đông Holding, qua thời gian chống chọi đại dịch đã cho thấy sự chỉ đạo xuyên suốt, sát sao của Ban Lãnh đạo trong việc mạnh mẽ triển khai, và sự nghiêm túc tuân thủ "5K" của Bộ Y tế của tập thể CB-NV, đặc biệt trong các thời điểm cao điểm như bùng dịch, tái bùng dịch, Tết Âm lịch, nhờ đó đã và đang chủ động đối phó kiểm soát tốt trong phạm vi toàn tập đoàn.

SỰ KIỆN  
**GIẢI THƯỞNG DANH HIỆU**

THƯƠNG HIỆU  
QUỐC GIA

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ  
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Năm 2020, Rạng Đông Holding (RDP) tiếp tục được bình chọn là **THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA** lần thứ 7 cũng là doanh nghiệp 7 lần liên tiếp đạt danh hiệu cao quý này. Thương hiệu Rạng Đông Holding đã trở thành biểu tượng quốc gia và được các đối tác trong nước và quốc tế đặt trọn niềm tin. Đây là kết quả của sự đoàn kết, kiên trì và nỗ lực vượt bậc của toàn thể Ban Lãnh Đạo và CBCNV trong việc thực hiện Tuyên ngôn Giá trị của mình "Luôn Luôn Tốt Hơn".



**14** NĂM LIÊN TIẾP  
ĐẠT DANH HIỆU  
**THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**



Vietnam Value

**NGƯỜI TIÊU DÙNG**  
**HÀNG VIỆT NAM  
CHẤT LƯỢNG CAO**



Nhựa Rạng Đông vinh dự đón nhận danh hiệu HVNCLC 2021 lần thứ 25 liên tiếp do người tiêu dùng bình chọn do Hội doanh nghiệp HVNCLC tổ chức. Đây đóng góp mạnh mẽ để chúng tôi luôn ý thức phải gìn giữ thương hiệu, cải tiến chất lượng để ngày càng hoàn thiện hơn nữa, giữ vững niềm tin yêu của khách hàng, người tiêu dùng.



**TRÊN 40** NĂM  
DOANH NGHIỆP  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



**15** NĂM LIÊN TIẾP  
ĐẠT DANH HIỆU  
**SAO VÀNG ĐẤT VIỆT**



**ISO 13485** là Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại các cơ sở cung cấp dụng cụ y tế và dịch vụ liên quan nhằm đảm bảo khả năng cung cấp sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và các quy định của luật pháp.



**ISO 22000:2018** là một tiêu chuẩn được quốc tế công nhận kết hợp cách tiếp cận ISO 9001 với quản lý an toàn thực phẩm và HACCP để đảm bảo an toàn thực phẩm ở mọi mức độ. Tiêu chuẩn này chỉ ra cách một tổ chức có thể chứng minh được khả năng kiểm soát các mối nguy an toàn để đảm bảo rằng thực phẩm là an toàn.



Chúng nhân các phòng thử nghiệm đạt yêu cầu hiện nay thì bộ tiêu chuẩn **ISO/IEC 17025** được coi là một chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất chứng nhận khả năng của các phòng thử nghiệm trên toàn thế giới hiện nay.



**ISO 9001:2015** là một tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng, áp dụng cho mọi tổ chức doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề, mọi thành phần kinh tế và mọi hình thức hoạt động kinh doanh. Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên tám nguyên tắc quản lý chất lượng (gồm tất cả những nguyên tắc cơ bản để thành công trong kinh doanh):



**ISO FSSC 22000** Công ty thiết lập một hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì nhựa đảm bảo an toàn thực phẩm theo yêu cầu của khách hàng (Ajinomoto, Vedan, Vinamilk, Duch lady, Pepsi, Coca, Phạm Nguyễn, Trung Nguyễn, v.v...).



**ISO 14001:2015** là một tiêu chuẩn được quốc tế đồng ý đưa ra các yêu cầu cho một hệ thống quản lý môi trường. Nó giúp các tổ chức cải thiện hiệu suất môi trường của họ thông qua việc sử dụng tài nguyên quá hơn và giảm chất thải, đạt được lợi thế cạnh tranh và sự tin tưởng của các bên liên quan.



## HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DOANH THU THUẦN

**2.711** TỶ VNĐ

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

**2.222** TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**52,8** TỶ VNĐ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

**505** TỶ VNĐ

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 mặc dù phải trải qua những giai đoạn bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội nơi chung và thị trường ngành bao bì nơi riêng, HĐQT đã chỉ đạo cho Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm củng cố nền tảng ổn định vượt qua các khó khăn, thử thách. Kết thúc 2021 với sự nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành, Tập đoàn Rạng Đông đã ghi nhận kết quả kinh doanh thắng lợi, tăng trưởng so với các năm trước cụ thể như sau

- Về Doanh thu vẫn giữ được mức ổn định như các năm trước toàn tập đoàn ghi nhận 2711 tỷ vượt 25 % so với kế hoạch đề ra.

- Về lợi nhuận đạt 52,8 tỷ tăng trưởng 11 lần với năm trước hoàn thành 63% so với kế hoạch.

- Cải thiện về cân đối tài chính cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,12>1 lần, năm trước là 1,08 lần.

- Tổng tài sản tăng hơn so với năm trước 2% tương ứng khoảng 37,5 tỷ chủ yếu đến từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Hệ số nợ trên vốn chủ được cải thiện còn 3,4 lần giảm hơn so với năm trước là 3,66 lần.

- EPS 693 đồng/cổ phiếu tăng hơn 23 lần so với 2020.

- Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 7,49% duy trì mức ổn định so với bình quân ngành.

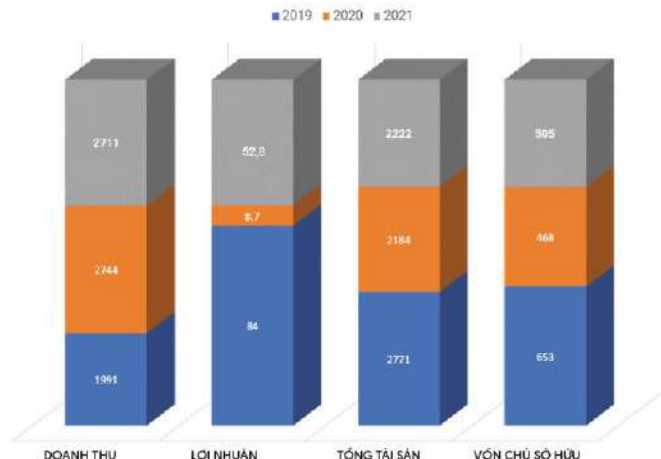
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tình hình thị trường bao bì, tôn van, màng mỏng, giả da và sản phẩm y tế trong năm 2021 tuy có sự khởi sắc so với các năm trước đây, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều bất ổn, khó lường:

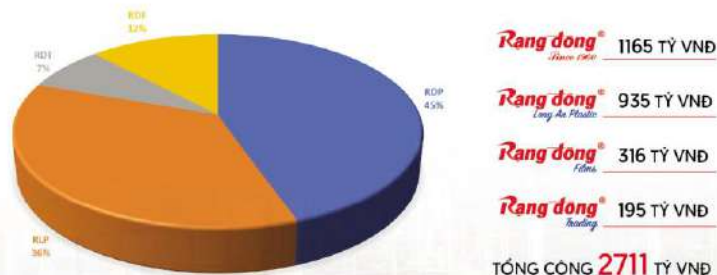
- Giá nguyên liệu tiếp tục biến động phức tạp do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, gây tác động đến chi phí mua nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bao bì, giả da, màng mỏng và sản phẩm y tế.

- Chính sách bảo hộ sản xuất nội địa, phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì và có xu hướng gia tăng, làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp.

- Thị trường nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt. Các doanh nghiệp nhóm sản phẩm bao bì phải đối mặt với nhiều vấn đề, trong đó nổi bật là: Công suất sản xuất dư thừa; Thiên tai, bão lũ, dịch bệnh làm ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh; thiếu năng lượng toàn cầu đẩy giá năng lượng tăng cao, tình hình biến động giá dầu và gián cách xã hội làm cho vận chuyển bị ngưng trệ chi phí vận chuyển tăng cao; Tình trạng hàng giả, hàng nhái gia tăng; Sản lượng bao bì giá rẻ, kém chất lượng vẫn được nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam.



TỶ TRỌNG DOANH THU CÁC CÔNG TY





- Năm 2021 một năm khó khăn do đại dịch Covid-19, công ty đã tổ chức 3 tại chỗ để duy trì sản xuất, không bị gián đoạn, đảm bảo sản xuất các đơn hàng đã ký kết với khách hàng dù lực lượng lao động giảm sút nhưng năng suất trung bình vẫn đạt 104,5%, các nhà máy đã thực hiện định biên lại lao động theo hướng chuyển môn hoá từng công việc.

- Xây dựng thành công chương trình Pro-3M : phương pháp quản lý 5S, máy móc thiết bị tiên tiến từ sự tư vấn của tập đoàn Samsung.

- Hoạt động Kaizen liên tục góp phần vào thành công chung của công ty.

#### CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

- Tăng tốc độ máy ghép khó đáp ứng các sản phẩm ghép khó dạng có chiều hướng tăng trong ngành bao bì mềm phức hợp.

- Tối ưu các yếu tố đầu vào trong sản xuất, doanh thu đã tăng 9% so với cùng kỳ mặc dù lao động giảm 36%.

- Hệ thống sản xuất túi siêu thị (6 máy thổi và 6 máy cắt) và đã đưa vào hoạt động.



#### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT 2022

- Hàng áo y tế PE Gowns dự kiến đạt sản lượng 10cont/tháng.

- Sản lượng 12.000 tấn Sản phẩm PE, PVC các loại.

- Sản xuất sản phẩm túi siêu thị với công suất 80 tấn/ tháng.

- Phát triển cung cấp thêm dòng bao bì hóa mỹ phẩm (bột giặt, dầu gội, nước xả vải ...), hạt nệm, thuốc bảo vệ thực vật ....

- Nghiên cứu phát triển cung cấp túi y tế tiết trùng bằng khí, sản lượng khoảng 200.000 túi/tháng.

- Đưa vào vận hành khai thác máy vải không dệt với công suất 24 tấn/ngày ứng dụng cho ngành vật tư y tế.

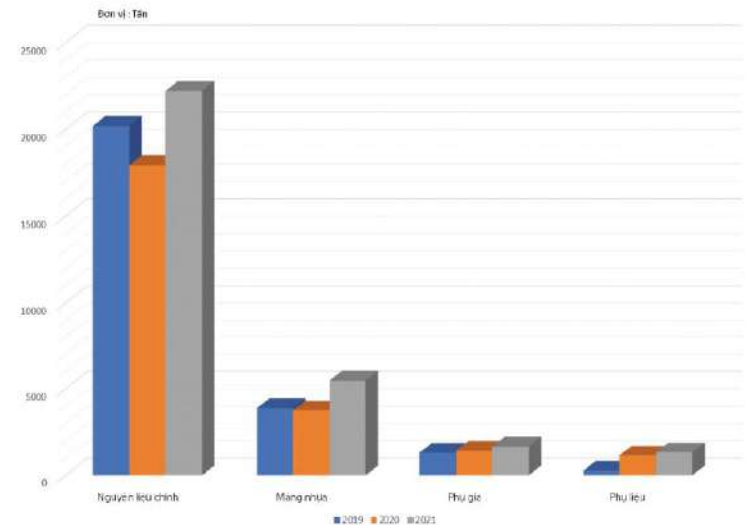
- Khai thác và phát triển đơn hàng túi retort với công suất 10 triệu túi/tháng.

- Khai thác và phát triển đơn hàng túi đựng nước xả vải với công suất 2 triệu túi/tháng.

- Khai thác và phát triển bao bì ghép (mi, cà phê, bánh kẹo, nông được... với công suất 5 triệu m2/tháng với kỳ vọng đạt 30% công suất nhà máy.

#### TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG

STT	Nhóm	ĐVT	2020	2021	Tỷ lệ %	Tăng trưởng
1	Nguyên liệu chính	tấn	17.918	22.218	24%	4,300
2	Màng nhựa	tấn	3.751	5.461	46%	1,710
3	Bán thành phẩm áo Y tế	cái	1.407.847	1.545.730	10%	137,883
4	Phụ gia	tấn	1.423	1.665	17%	242
5	Phụ liệu	tấn	1.150	1.326	15%	176



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	MS	2021	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,721,143,077,946	2,757,291,165,161	2,002,989,144,053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	9,766,918,120	12,980,615,506	11,535,226,126
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,711,376,159,826	2,744,310,549,655	1,991,453,917,927
4. Giá vốn hàng bán	11	2,487,882,961,885	2,549,288,942,428	1,707,704,413,639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	223,493,197,941	195,021,607,227	283,749,504,288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,159,839,033	559,732,803	4,150,096,070
7. Chi phí tài chính	22	95,671,952,916	94,037,101,902	86,311,568,363
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	89,910,534,050	93,600,289,772	85,546,828,186
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(964,776,922)	1,108,137,938	(1,978,253,518)
9. Chi phí bán hàng	25	28,085,190,818	34,026,558,977	39,165,713,693
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	66,733,930,378	61,880,854,685	75,895,859,044
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	37,197,185,941	6,744,962,404	84,548,205,740
12. Thu nhập khác	31	20,783,758,552	6,026,781,573	11,441,480,083
13. Chi phí khác	32	5,146,009,573	4,035,091,449	11,499,052,338
14. Lợi nhuận khác	40	15,637,748,979	1,991,690,124	(57,572,255)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	52,834,934,920	8,736,652,528	84,490,633,485
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14,890,291,935	5,725,251,758	18,371,002,335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	215,826,981	(189,665,786)	(3,972,523,929)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	37,728,816,004	3,201,066,556	70,092,155,079
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	33,031,615,015	1,379,173,509	43,244,598,222
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	4,697,200,989	1,821,893,047	26,847,556,857
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu [*]	70	693	29	1,053

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	MS	KH 2021	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,170,260,644,331	2,721,143,077,946	2,757,291,165,161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	9,766,918,120	12,980,615,506
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,170,260,644,331	2,711,376,159,826	2,744,310,549,655
4. Giá vốn hàng bán	11	1,859,732,718,218	2,487,882,961,885	2,549,288,942,428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	310,527,926,113	223,493,197,941	195,021,607,227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5,159,839,033	559,732,803
7. Chi phí tài chính	22	93,453,850,077	95,671,952,916	94,037,101,902
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	93,453,850,077	89,910,534,050	93,600,289,772
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(964,776,922)	1,108,137,938
9. Chi phí bán hàng	25	49,262,572,798	28,085,190,818	34,026,558,977
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	96,590,173,015	66,733,930,378	61,880,854,685
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	71,221,330,223	37,197,185,941	6,744,962,404
12. Thu nhập khác	31		20,783,758,552	6,026,781,573
13. Chi phí khác	32		5,146,009,573	4,035,091,449
14. Lợi nhuận khác	40	-	15,637,748,979	1,991,690,124
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	71,221,330,223	52,834,934,920	8,736,652,528
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11,476,158,436	14,890,291,935	5,725,251,758
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	215,826,981	(189,665,786)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	59,745,171,787	37,728,816,004	3,201,066,556
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	36,656,283,481	33,031,615,015	1,379,173,509
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	23,088,888,306	4,697,200,989	1,821,893,047
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu [*]	70	982	693	29

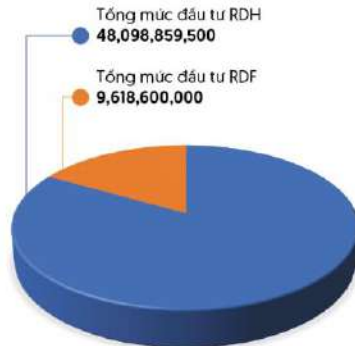
**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN**

**58** tỷ đồng là tổng giá trị đầu tư mới máy móc thiết bị năm 2021.

Năm 2021 tiếp tục là năm đại dịch Covid-19 bùng phát, đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng khu vực miền Nam và Tây Nam Bộ, trong đó có Nhựa Rạng Đông.

Lãnh đạo Công ty điều chỉnh chiến lược đầu tư và kinh doanh, tập trung vào nâng cấp, đổi mới thiết bị cho ngành ép phun, đảm bảo thực hiện các đơn hàng của khách hàng trong lĩnh vực y tế.

Tiêu biểu là Hệ thống khử trùng bằng khí EO với công suất 70m<sup>3</sup>/mê có năng suất khử trùng thiết bị y tế cao nhất tới thời điểm hiện tại Việt Nam với chi phí hơn 17 tỷ đồng.



Hệ thống khử trùng bằng khí EO



Máy ép phun



**MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU**

**Vé sản phẩm**

- Giã da PVC xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Mỹ: đạt tiêu chuẩn REACH (của Châu Âu), tiêu chuẩn CAB2998 & PROP65 (của Mỹ)
- Màng PVC chống tràn nước để sản xuất sản phẩm gạch nhựa PVC lót sàn nhà SPC
- Các sản phẩm sử dụng trong ngành y tế xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt tiêu chuẩn FDA, ISO13485: ống hút dịch PVC, các sản phẩm nhựa PP sử dụng một lần
- Cải tiến công nghệ sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, tìm NCC thay thế, thử nghiệm & đưa nguyên liệu mới, nguyên liệu thay thế đạt vượt so với mục tiêu.

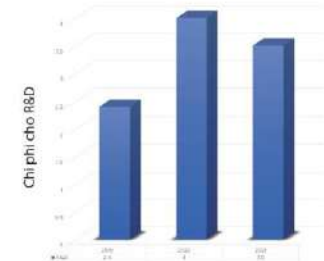
**Vé công nghệ**

- Cải tiến chuyển đổi công thức thổi màng LLDPE từ trong sang đục, giảm in lót trắng giúp tiết kiệm chi phí trong sản xuất, tiết giảm giá thành.
- Đưa trạm dung môi trung tâm vào hoạt động, tự pha dung môi, giúp tiết kiệm chi phí.
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công hơn 15 loại nguyên liệu mới có giá cạnh tranh.

**Vé thiết bị**

- Vận hành máy cùn 2500, 4300 phục vụ sản xuất.
- Cải tiến khuôn dập màng PE gown.
- Lắp hệ thống sản xuất túi siêu thị (6 máy thổi và 6 máy cắt) và đã đưa vào hoạt động với năng suất trung bình 80T/tháng.

Trong bối cảnh kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thử thách bởi Covid-19, Tập đoàn tiếp tục đầu tư Nghiên cứu & phát triển sản phẩm với tổng giá trị đầu tư cho năm 2021 là hơn 3,5 tỷ đồng (Trong 3 năm 2019-2020 và 2021 Tập đoàn đã đầu tư gần 10 tỷ đồng cho hoạt động R&D nhằm tìm kiếm, nghiên cứu, & phát triển sản phẩm mới để dẫn đầu xu hướng thị trường).



**Kế hoạch năm 2022 và trung hạn**

- Phát triển tiếp các dòng sản phẩm cho ngành y tế xuất khẩu sang thị trường Mỹ
- Đầu tư máy sản xuất vải không dệt PP 04 lớp để làm khẩu trang y tế, áo mặc cho các bác sỹ, tà lót...
- Đầu tư các máy sản xuất làm ống hút dịch, các sản phẩm ép phun cho y tế.
- Đặc biệt là đầu tư hệ thống khử trùng các sản phẩm y tế.



Máy sản xuất vải không dệt PP

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,222,429,385,004	2,184,794,608,346	2%
Doanh thu thuần	2,711,376,159,826	2,744,310,549,655	-1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh	37,197,185,941	6,744,962,404	451%
Lợi nhuận khác	15,637,748,979	1,991,690,124	685%
Lợi nhuận trước thuế	52,834,934,920	8,736,652,528	505%
Lợi nhuận sau thuế	37,728,816,004	3,201,066,556	1079%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	693	29	2294%

Tình hình kinh tế xã hội trong năm 2021: đã trải qua nhiều biến động lớn, bất ổn và khó khăn. Cụ thể như sau:

- Dịch bệnh covid 19 bùng phát từ cuối năm 2019 tạo ra những tác động chưa từng có tiền lệ đối với nền kinh tế. Giảm cách xã hội do dịch bệnh làm trì trệ việc thông thương hàng hóa, gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu. Nhiều Doanh nghiệp rơi vào tình trạng gián đoạn, tạm ngưng hoạt động.

- Thiên tai hạn hán, mưa bão, lũ lụt diễn ra trên diện rộng, liên tục trong nhiều tháng đã gây thiệt hại lớn cho đời sống của người dân và tình hình kinh tế xã hội cả nước, gián tiếp làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ tại thị trường nội địa.

- Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế, tuy không tiếp tục leo thang, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, làm ảnh hưởng hoạt động cung ứng, sản xuất hàng hóa trên thế giới.

- Tăng trưởng kinh tế giảm so với các năm do ảnh hưởng từ dịch bệnh và thiên tai, bão lũ. Do các tác động khách quan, các ngành bao bì, giả da, màng mỏng, tôn ván có dấu hiệu chậm lại, gây ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ. Mặc dù vậy, với sự điều hành linh hoạt của Chính phủ và các Bộ ngành, cũng

như nỗ lực của các doanh nghiệp, tình hình kinh tế xã hội trong nước có một số điểm sáng thuận lợi:

- Đại dịch COVID-19 tại Việt Nam đã được kiểm soát tốt. Giảm cách xã hội từng bước được dỡ bỏ. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã phát huy tác dụng. Tính đến cuối năm 2021, nền kinh tế đang trên đà phục hồi, nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng trở lại.

- Tuy tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng, nhưng các chỉ số vĩ mô cơ bản vẫn cho thấy sự ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm. Lạm phát được kiểm soát. Thị trường tiền tệ ổn định. Vốn đầu tư công vào các dự án xây dựng cơ bản, hạ tầng được giải ngân đúng tiến độ, góp phần tạo ra nhu cầu đối với các sản phẩm bao bì, giả da, màng mỏng, tôn ván và sản phẩm y tế.

- Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, để lại nhiều dấu ấn quan trọng. Trong năm 2021, nhiều Hiệp định tự do thương mại được ký kết như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTTPP); Hiệp định tự do thương mại phương Việt Nam – Châu Âu (EVFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)... đã mở ra nhiều cơ hội cho việc phát triển kinh tế.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,12	1,08	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,50	0,56	lần
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,77	0,79	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,40	3,66	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,79	5,10	lần
+ Vòng quay tổng tài sản	1,23	1,23	lần
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,39%	0,12%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,47%	0,68%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,70%	0,15%	
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,37%	0,25%	

### THÔNG TIN CỔ PHẦN

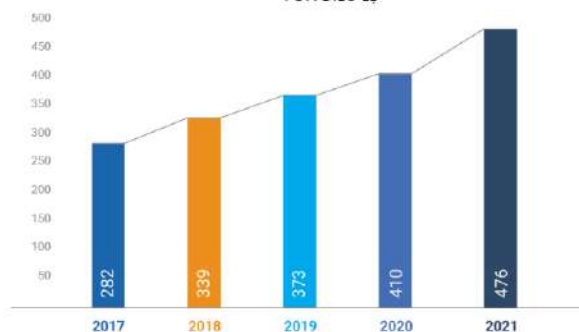
Vốn điều lệ của Tập đoàn	476.405.860.000 VND
Tổng số cổ phần	47.640.586 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	47.614.362 cổ phần
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	26.224 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	phổ thông
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 VND

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	1.613	47.640.586	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	1.613	47.640.586	100%
Cổ đông lớn, nhỏ	1.613	47.640.586	100%
* Cổ đông lớn	1	24.364.166	51,14%
* Cổ đông nhỏ	1.612	23.276.420	48,86%
Cổ đông trong nước	1.584	47.410.840	99,52%
* Tổ chức	35	332.914	0,70%
* Cá nhân	1.549	47.077.926	98,82%
Cổ đông nước ngoài	29	229.746	0,48 %
* Tổ chức	6	117.489	0,25%
* Cá nhân	23	112.257	0,23%

[ĐVT : Tỷ VND]

### VỐN ĐIỀU LỆ



### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	ĐVT	Thời gian phát hành	Giá trị phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành
Vốn Điều lệ đầu năm 2016	Đóng		156.921.140.000	156.921.140.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thường và ESOP	Đóng	Tháng 01/2016	24.417.270.000	181.338.410.000
Tăng vốn từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Đóng	Tháng 10/2016	47.148.000.000	228.486.410.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	Đóng	Tháng 02/2017	54.374.350.000	282.860.760.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	Đóng	Tháng 10/2018	56.567.860.000	339.428.620.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu	Đóng	Tháng 12/2019	33.938.540.000	373.367.160.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu	Đóng	Tháng 12/2020	37.332.050.000	410.699.210.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đóng	Tháng 06/2021	65.706.650.000	476.405.860.000

Năm 2021 một năm thách thức khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, Nhựa Rạng Đông tập trung mạnh mẽ hơn đến các sáng kiến ở các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, linh hoạt trong chiến lược sản xuất kinh doanh và xác định Phát triển bền vững, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững nhằm tích hợp đa chiều vào sản xuất kinh doanh của toàn tập đoàn.

Tập đoàn Rạng Đông Holding kỳ vọng những giá trị nhân văn của công ty sẽ được lan tỏa không chỉ trong nội bộ doanh nghiệp mà còn nhận được sự khích lệ và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ trong cộng đồng xã hội, tạo thành sự phát triển bền vững trong tương lai.



#### PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare, Công ty Cổ phần Rạng Đông Films, Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông.

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2020 bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 31/12/2021. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại đơn vị thành viên và các nhà máy trực thuộc. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2020, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

#### CÁCH THỨC XÂY DỰNG BÁO CÁO

Báo cáo được lập dựa trên tài liệu CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với UNESCO phát hành, xác định các lĩnh vực trọng yếu tác động đến các bên liên quan.

#### THÔNG TIN LIÊN HỆ

Hơn 60 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa, công ty hiểu rõ những giá trị của chính sách phát triển bền vững. Chúng tôi nỗ lực không ngừng để thông điệp "Phát triển bền vững" trở thành Chiến lược phát triển, đồng thời thông điệp được lan truyền và hưởng ứng ngày càng mang mẽ. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc vui lòng liên hệ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**  
Địa chỉ : 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, Tp. HCM | ĐT: [028] 3969 2272

**CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU**

Khía cạnh	Lĩnh vực trọng yếu	Mục tiêu
Tăng trưởng kinh tế	8. Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững 9. Công nghiệp, sáng tạo & hạ tầng	 
Trách nhiệm xã hội	1. Xóa nghèo 4. Giáo dục chất lượng 11. Thành phố & cộng đồng bền vững	  
Bảo vệ môi trường	6. Nước sạch & vệ sinh 7. Năng lượng sạch & giá cả hợp lý	 



**TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

Các bên liên quan	Hoạt động của công ty	Những giá trị đạt được
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ đông/ Nhà đầu tư</li> <li>- Đối tác / khách hàng</li> <li>- Người lao động</li> <li>- Người tiêu dùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Holdings, các công ty con hoạt động độc lập, trở thành chuỗi liên kết liên doanh hỗ trợ lẫn nhau, giúp công ty mở rộng thị trường trong &amp; ngoài nước</li> <li>- Thúc đẩy nghiên cứu phát triển sp mới.</li> <li>- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất</li> <li>- Đầu tư máy móc thiết bị</li> <li>- Đầu tư cho hệ thống lạnh trung tâm</li> <li>- Tăng cường các hoạt động đánh giá với các đối tác quốc tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu xuất khẩu + 20%</li> <li>- Mở rộng thị phần xuất khẩu +5%</li> <li>- 2 đề tài cấp bộ được nghiệm thu, ứng dụng thành công ở sản phẩm mới từ 2 đề tài trên</li> <li>- Tạo thêm +100 việc làm mới</li> <li>- Mọi trường làm việc đạt tiêu chuẩn Nhật.</li> </ul>



**TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

Các bên liên quan	Hoạt động của công ty	Những giá trị đạt được
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng xã hội</li> <li>- Cơ quan Nhà nước</li> <li>- Người lao động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty luôn tuân thủ các quy định về khai thuế, nộp thuế. Qua đó, tài phân bổ một phần lợi ích lại xã hội</li> <li>- Đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng ý nghĩa, cam kết chặt chẽ sự phát triển bền vững, thịnh vượng chung của toàn xã hội.</li> <li>- Xây dựng nguồn lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của cty;</li> <li>- Đảm bảo các chế độ lương thưởng phúc lợi đối với người lao động;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng góp Ngân sách NN</li> <li>- 2.2 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng tại Long An, chương trình cầu Nồng thôn Việt</li> <li>- Đảm bảo thu nhập người lao động +8.5 triệu, cùng các phúc lợi khác</li> <li>- Mở 74 lớp đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn cho 450 lao động, giúp gia tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị lao động trong tương lai</li> </ul>



**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Các bên liên quan	Hoạt động của công ty	Những giá trị đạt được
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng xã hội</li> <li>- Người lao động</li> <li>- Người tiêu dùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong sản xuất, tái sử dụng nguyên liệu.</li> <li>- Dự án điện mặt trời áp mái: công suất 4,5 MW</li> <li>- Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng trạm xử lý nước thải đạt công suất 100 m3/ ngày.</li> <li>- Đầu tư hệ thống cấp nhiệt đạt 4.000.000 Kcal, thay thế toàn bộ lò dầu đốt cũ, đốt dầu DO</li> <li>- Áp dụng mô hình 3B trong quá trình xử lý phế liệu phát sinh</li> <li>- Bảo cáo quan trắc môi trường định kỳ.</li> <li>- Không xảy ra vi phạm luật pháp về bảo vệ môi trường.</li> </ul>

**“ NHỰA RANG ĐỒNG ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ”**

Hiện nay, nhân loại đang phải đối mặt với việc các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Đã có nhiều ý kiến cho rằng nguồn năng lượng tái tạo chính là nguồn năng lượng tương lai. Vậy nguồn năng lượng tái tạo này là gì, lấy nó từ đâu? Với sự phát triển vượt bậc của ngành khoa học năng lượng, các nhà khoa học đã có lời giải đáp:

liều có nguồn năng lượng tái tạo nào dồi dào hơn năng lượng mặt trời? Theo tư điển bách khoa toàn thư mở Wikipedia, năng lượng tái tạo hay năng lượng tái sinh là năng lượng từ những nguồn liên tục mà theo chuẩn mực của con người là vô hạn như năng lượng mặt trời, gió, mưa, thủy triều, sóng và địa nhiệt. Nguyên tắc cơ bản của việc sử dụng năng lượng tái sinh là tách một phần năng lượng từ các quy trình diễn biến liên tục trong môi trường và đưa vào trong các sử dụng kỹ thuật. Các quy trình này thường được thực hiện đặc biệt là từ mặt trời. Năng lượng tái tạo thay thế các nguồn nhiên liệu truyền thống trong 4 lĩnh vực gồm: phát điện, đun nước nóng, nhiên liệu động cơ, và hệ thống điện độc lập nông thôn.

Thật vậy, nguồn năng lượng miễn phí có sẵn khoảng 12 tiếng mỗi ngày và thậm chí nhiều hơn để khai thác mà Việt Nam ta với khí hậu nhiệt đới gió mùa nắng nóng quanh năm là một lợi thế. Năng lượng mặt trời đang dần trở thành một trong những nguồn năng lượng tái tạo được tận dụng nhiều nhất, và các nhà sáng tạo đang tìm kiếm nhiều cách tốt hơn để khai thác nguồn năng lượng này. Đó là các dự án ứng dụng lắp đặt pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, phương tiện giao thông, quán ăn, điện thoại di động và nhiều hơn nữa.

Tập đoàn Rạng Đồng [Rạng Đồng Holding] luôn đi đầu trong việc đầu tư công nghệ. Với tư cách là Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch HĐQT tập



đoàn Nhựa Rạng Đồng với tầm nhìn quản trị của mình, dẫn đầu trong Chiến lược Phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, năng lượng tái tạo được xác định là một trong ba lĩnh vực được Chính phủ đặc biệt ưu tiên, ông đã tiên phong lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho toàn bộ các nhà máy Công ty Nhựa Rạng Đồng Long An tại khu công nghiệp Tân Đông, huyện Đức Hòa, Long An. Đây là dự án lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á tính tới thời điểm này đối với một DN.

Quả thật, dự án năng lượng mặt trời mà Tập đoàn Rạng Đồng [Rạng Đồng Holding] đang triển khai cho các nhà máy với tổng công suất điện năng lên đến 4,5MW thì đúng là đang dẫn đầu về quy mô tại Việt Nam và Đông Nam Á. Với công suất này, hệ thống năng lượng mặt trời của Tập đoàn Rạng Đồng hoàn toàn có khả năng hòa với mạng lưới điện quốc gia cung cấp nguồn điện cho địa phương. Được biết dự án này sử dụng bộ chuyển đổi điện Inverter từ nhà sản xuất ABB của Ý uy tín nhất thế giới hiện nay; hệ thống tấm pin nhà đầu tư chọn thương hiệu Canadian của Canada. Vì vậy tổng vốn đầu tư của dự án đã lên đến 90 tỉ đồng. Indefol là đơn vị tư vấn, thiết kế, lắp đặt đã được Tập đoàn Rạng Đồng lựa chọn bởi Indefol là đối tác uy tín của các tập đoàn hàng đầu thế giới như Adidas, Nike, Formosa... trong nhiều dự án về công nghệ mà họ đang đầu tư cho các nhà máy sản xuất của họ...”

**TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG**

. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Khí thải phát ra chủ yếu là hơi nước, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, O<sub>3</sub>, các khí CFC sinh ra từ hoạt động sản xuất, trong đó chủ yếu từ 02 nguồn phát thải do điện.

. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Nhà máy đã ứng dụng công nghệ điện mặt trời và đã đưa vào vận hành COD từ cuối năm 2019 với công suất thiết kế 4,2MWP cho đơn vị thành viên (RLP) tại Long An. Tiếp đó, đã lắp đặt và vận hành tại Củ Chi (RDF) vào cuối năm 2020 với công suất thiết kế 1,1MWP và được cấp chứng chỉ năng lượng xanh sạch.

Các hệ thống máy xử lý khí thải được đưa vào vận hành sử dụng cho 85% máy móc trọng điểm, máy hấp xốp và tráng, hồ vôi, cùn 04 máy cán, và đầu nhiệt..

Quan trắc môi trường được thực hiện tuần suất 1 năm/ 1 lần để kiểm tra thường xuyên thực trạng phát thải và bố trí phòng ban chuyên trách.

**HOẠT ĐỘNG TÀI SẢN XUẤT NGUỒN NGUYÊN LIỆU TẠI CHỖ**

Nguyên vật liệu	SL tài chế 2021 (kg)	SL tài chế 2020 (kg)	Mức tăng (+)/giảm(-)
PL N1, N2 (KV Cán)	461,139	493,654	-6.6%
PL N3,N4 (KV Cán)	32,298	69,510	-53.5%
PL Tole, vụn nhựa	221,570	545,451	-59.4%
PL N25, N27	43,370	177,968	-75.6%
Thỏi PE	794,7	944	-1,6%

Do trong năm 2021 bùng phát dịch Covid-19, giảm đơn hàng việc tài chế PL giảm so với cùng kỳ.

**GIẢI PHÁP XỬ LÝ PHÉ LIỆU**

- \* Áp dụng mô hình 3B trong sản xuất, gồm 3 bước: . Bước 1: Quay vòng tái chế 25% tổng phế liệu phát sinh; Bước 2: Thu hồi những phế liệu có thể sử dụng lại trong sản xuất; Bước 3: Chuyển những phế liệu, dung môi khó xử lý cho đơn vị xử lý môi trường bên ngoài.
- \* Áp dụng Kaizen đột phá trong sản xuất đưa phế liệu vào quay vòng hiệu quả.
- \* Việc đầu tư các MMTB hiện đại [Hệ thống Scada cân tự động cho máy Cán C3, HT hút

- NL: PVC, CACOS tự động, hệ thống làm lạnh trung tâm: Chiller smart, Cooling Tower, hệ thống tháp thu hồi DOP...] đã giúp tăng cường hiệu quả sử dụng NVL, giảm phế liệu phát sinh.
- \* Triển khai quay vòng phế liệu tái chế ngay tại nguồn phát sinh.
- \* Đào tạo nâng cao nhận thức của người lao động trong việc tái chế phế liệu, xem đây là giải pháp nhằm gia tăng thu nhập, bảo vệ môi trường sống đến người lao động.



## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

1. Tình hình sử dụng năng lượng năm 2020 so với năm 2021

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: nhà máy chủ yếu tiêu thụ hai dạng năng lượng chính là điện năng và dầu nóng (nhiệt). Cụ thể,

Loại	Đơn vị	Số lượng		Chi phí (VNĐ-1tr)		Quy đổi TOE	
		2020	2021	2020	2021	2020	2021
Điện	kWh	15,558	13,756	25,456	23,013	2,405	2,122
Dầu nóng	Mcal	10,222	8,679	9,012	8,217	2,301	1,83

## 2. Áp dụng công nghệ mới để TKNL

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

TKNL là sự triển khai đồng bộ và tổng hợp phối kết hợp các sáng kiến trong nhiều hoạt động khác nhau trong hệ thống của toàn công ty:

### a. Về quản lý

- Công ty CP Nhựa Rạng Đông đã thành lập ban năng lượng với tổng số thành viên 24 người là những cán bộ chủ chốt của các đơn vị nhà máy thành viên, hàng tháng đưa ra mục tiêu hành động và giám sát thực hiện và công tác thường phát được đẩy mạnh để làm đòn bẩy kích thích TKNL.

- BLD tập đoàn và Ban Giám Đốc Nhà máy thành viên thường xuyên nhắc nhở nhân viên thực hiện việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và triệt để tránh giờ cao điểm, tắt dụng tối đa giờ thấp điểm. Các hệ thống thiết bị sản xuất luôn được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng nhằm giúp vận hành tối ưu, tránh hỏng hóc ngoài dự kiến.

- Công tác thực hiện 5S, KAIZEN được BLD, ĐTV quan tâm đốc thúc dành giá hàng tháng để có giải pháp kịp thời

### b. Về hệ thống điện:

- Các MBA được kiểm định định kỳ theo quy trình của điện lực

- Các MBA được lắp đặt tụ bù với dung lượng phù hợp để hệ số  $\cos\phi$  (PF) đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn điện lực

- Dây dẫn điện có tiết diện đủ lớn để giảm thiểu tổn hao truyền dẫn.

- Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, để giảm bớt điện năng mua từ EVN

- Sử dụng đèn LED phổ biến.

### c. Về hệ thống máy nén khí

- Các máy được bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ. Không sử dụng nén khí cũ, hiệu suất đã suy giảm.

- Thông thoáng phòng đặt máy để giảm nhiệt độ, tăng hiệu suất máy nén khí.

### c. Về hệ thống máy móc sản xuất

- Các động cơ điện được bảo trì phòng ngừa nên vận hành liên tục, ít hỏng hóc, giảm tổn hao năng lượng.

- Sử dụng khởi động từ cho động cơ công suất lớn.

- Dùng biến tần cho động cơ có tải biến đổi.

## TIÊU THỤ NƯỚC

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng. Nguồn nước cấp của toàn nhà máy lấy từ KCN Tân Đô và tổng lượng nước sử dụng năm 2021 cho toàn nhà máy là -35,938 m<sup>3</sup> -762,028,782 [đồng]/ 2020 là 40,000m<sup>3</sup>-840,000 [đồng]

- Tỷ lệ phân trâm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Hệ thống nước của nhà máy

là hệ thống nước trung tâm và chạy tuần hoàn là hệ thống tối ưu về sử dụng nước, với hệ thống này thì, lượng nước thất thoát phần lớn là do bốc hơi và rò rỉ là 4.5m<sup>3</sup>/1 ngày

- Cơ ban hành khoản nước cho từng đơn vị, tổ chức thu thập và phân tích số liệu, đánh giá thường phát được triển khai hàng tháng



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, thể hiện qua các hoạt động & kết quả:

- Duy trì hiệu lực chứng nhận ISO 14001:2015 [Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu & hướng dẫn sử dụng].

- Tổ chức trang bị các thùng chứa, xe chứa để phân loại rác tại nguồn theo từng đơn vị nhỏ.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn việc phân loại rác tại nguồn, 5S, bảo vệ môi trường lao động cho tất cả CBNV.

- Xây dựng nhà chứa rác sinh hoạt, rác nguy hại & rác công nghiệp để quản lý rác thải tập trung.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp & phối hợp giao nhận xử lý hàng tuần, hàng tháng.

- Ký hợp đồng với đơn vị đo quan trắc môi trường & lập báo cáo định kỳ hàng quý.

- Ký hợp đồng với đơn vị đo quan trắc môi trường lao động & đo đặc các chỉ tiêu trong toàn công ty.

- Hệ thống nước thải được thu gom xử lý đạt loại A & ký Hợp đồng xả thải với BQL Khu công nghiệp.

- Trên 80% diện tích mái nhà xưởng được hợp tác lắp đặt hệ thống Pin năng lượng mặt trời.

- Xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát công tác HSE nhiều cấp.

- Tuân thủ triệt để mọi quy định hiện hành của Nhà nước, cũng như các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế.

## KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

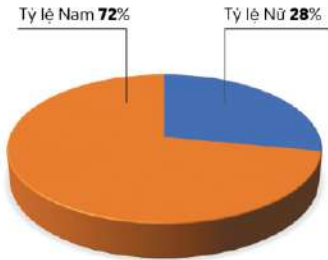
1. Tổng sản lượng điện sử dụng từ năng lượng điện mặt trời [thay cho điện từ EVN] là **3,375,688 kWh** [mặc dù dịch bệnh diễn ra làm gián đoạn sản xuất]

2. TKNL toàn công ty : **1,742,487,228** [đồng/ năm]

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

**TỔNG SỐ LAO ĐỘNG**  
(tính đến 31/12/2021)

**677**



Dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn đã xây dựng bộ máy nhân sự theo định hướng tính gọn, hiệu quả, bồi đắp và phát triển năng lực CB-NV, đảm bảo nền tảng vững chắc cho nhu cầu phát triển của tổ chức. Bằng các chính sách dài hạn nhân sự phù hợp và cạnh tranh, cùng với việc duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp, Rạng Đông đã trở thành môi trường làm việc hấp dẫn, gắn kết, thu hút nhân tài, tạo nên một đội ngũ nhân sự vững vàng và năng lực.

**Chế độ phúc lợi, đãi ngộ cho CB-NV được duy trì hàng năm, bao gồm:**

- Tặng quà ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 cho CB-NV nữ.
- Tặng quà ngày Tết thiếu nhi [01/06], Trung Thu.
- Tặng quà và hỗ trợ cho CB-NV nhân các dịp hiếu hi, sinh nhật, ốm đau, sinh con, lễ, Tết.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định như BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp cho toàn bộ người lao động.
- Duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc như BH tai nạn 24/24, BH sức khỏe toàn diện cho đối tượng là cán bộ quản lý của Công ty.
- Thưởng theo doanh số, theo hiệu quả công việc.

**An toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động**

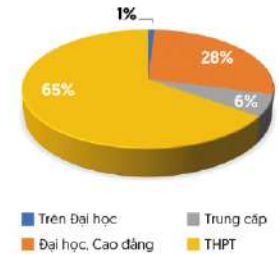
Tập đoàn luôn quan tâm cải tiến môi trường làm việc và điều kiện an toàn cho nhân viên, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe của nhân viên và bảo vệ môi trường của công đồng, đặc biệt đối với lực lượng công nhân làm việc tại các Nhà máy trực thuộc.

Các chính sách đảm bảo an toàn lao động, an toàn sức khỏe và bệnh nghề nghiệp bao gồm:

- Hướng dẫn, tập huấn các biện pháp an toàn lao động;
- Cấp quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động;
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Phòng ngừa và loại trừ những nguy cơ đe dọa tính mạng, sức khỏe của người lao động;
- Không sử dụng lao động nữ đang mang thai, hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm đêm hoặc làm thêm giờ; không sử dụng lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Nhân viên được bố trí ăn theo ca, ăn giữa ca nhằm đảm bảo sức khỏe, bảo đủ năng lượng tái tạo sức lao động. Nhà ăn đảm bảo tiêu chuẩn, thực hiện kiểm thực 6 bước và lưu mẫu thức ăn (tuân thủ Quyết định 4128/2001 của Bộ Y tế).

Bất chấp khó khăn của dịch bệnh, nguồn nhân lực chủ chốt của Tập đoàn nắm qua tiếp tục được duy trì ổn định với tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học ngày càng được nâng cao về số lượng, lẫn chất lượng, chiếm tỷ lệ cao, đạt 29%, tương ứng 195 người.

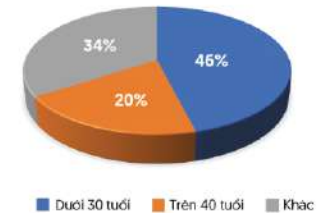
Loại hình đào tạo	Tỷ lệ
Trên Đại học	1%
Đại học, Cao đẳng	28%
Trung cấp	6%
THPT	65%



Tỷ lệ lao động trẻ tiếp tục được duy trì trong những năm gần đây, trong đó, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 46%, phù hợp với đặc thù ngành.

Tỷ lệ lao động trên 40 tuổi đã giảm bỏ lâu dài với công ty chiếm 20%.

CƠ CẤU ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG	
Cơ cấu độ tuổi	Tỷ lệ
Dưới 30 tuổi	46%
Trên 40 tuổi	20%
Khác	34%



**Huấn luyện - Đào tạo**

Con người luôn là yếu tố then chốt quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác đào tạo-huấn luyện, nên Ban lãnh đạo Tập đoàn đã quan tâm chỉ đạo sâu sát và có nhiều chế độ ưu đãi, phương thức đào tạo mới tạo cơ hội học tập cho tất cả CB-NV, với mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ chuyên môn, và liên tục được cập nhật kiến thức mới đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chế độ Đào tạo phù hợp đã giúp nâng cao chất lượng thực hiện công việc và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Tập đoàn.

Dựa trên định hướng chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng

đào tạo dài hạn với Trường Đào Tạo Doanh Nhân PTI nhằm chủ động kế hoạch đào tạo, nâng cao kiến thức cho đội ngũ CBCC và lực lượng trẻ kế thừa.

Chế độ Đào tạo phù hợp đã giúp nâng cao chất lượng thực hiện công việc và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, để xây dựng, phát triển và duy trì nguồn nhân lực chất lượng, Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý kết quả công việc, khung chương trình đánh giá năng lực và xây dựng đội ngũ kế thừa, kế hoạch phát triển ca nhân nhằm mục đích phát triển đội ngũ nhân viên vững mạnh, chủ động trong việc hoạch định nguồn lực, gia tăng sự gắn bó và cam kết lâu dài với tổ chức.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Tỷ lệ số hữu cổ phần có quyền biểu quyết
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	10/05/2018		51,14%
2	Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	21/04/2018		0.00%
3	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	21/04/2018		0.00%
4	Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên	06/06/2020		0.00%
5	Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	06/06/2020		0.00%

b. Ủy ban Kiểm toán thuộc HĐQT

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	06/06/2020	Tiến sĩ QTKD
2	Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	06/06/2020	Cử nhân Kinh tế

c. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Đức Lam	20/20	100%	
2	Ông Hồ Đức Dũng	20/20	100%	
3	Bà Lê Thị Thanh Thủy	20/20	100%	
4	Ông Hồ Văn Tuyên	20/20	100%	
5	Ông Nguyễn Trần Vinh	20/20	100%	

Tập trung thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả, trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức ĐHQĐ CĐ thường niên, và thông qua ĐHQĐ CĐ đã thông qua 13 nội dung quan trọng liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Tập đoàn.  
Cụ thể là:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Tháng/Năm	Nội dung
			Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua 13 nội dung, cụ thể như sau:
			. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT.
			. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.
			. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
			. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
			. Thông qua Tờ trình về việc Lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.
	126/NQ-ĐHQĐCĐ/2021	30/06/2021	. Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ 2021.
			. Thông qua Tờ trình về việc Thủ lao HĐQT và trích quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2021.
			. Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ Công ty.
			. Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
			. Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
			. Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành Cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP để tăng vốn Điều lệ.
			. Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành Trái Phiếu riêng lẻ.
			. Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành Trái Phiếu chuyển đổi.

Nhằm cụ thể hóa các nội dung đã được HĐQT đề nghị hướng phát triển của doanh nghiệp, năm 2020, HĐQT đã triển khai các Nghị quyết/ Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	07/01/2021	Tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100 %
2	02/NQ-HĐQT	22/01/2021	Triển khai thực hiện phương án và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	100 %
3	03/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng	100 %
4	04/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng	100 %
5	05/NQ-HĐQT	03/03/2021	Gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100 %
6	06/NQ-HĐQT	11/03/2021	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100 %
7	07/NQ-HĐQT	17/03/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100 %
8	08/NQ-HĐQT	17/03/2021	Thời hạn công bố BCTC trong năm 2021	100 %
9	09/NQ-HĐQT	19/04/2021	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100 %
10	10/NQ-HĐQT	05/05/2021	Tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100 %
11	11/QĐ-HĐQT	11/05/2021	Tạm ngừng hoạt động của Chi nhánh Hà Nội	100 %
12	12/NQ-HĐQT	14/05/2021	Dự thảo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	100 %
13	13/NQ-HĐQT	20/05/2021	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100 %
14	14/NQ-HĐQT	03/06/2021	Tạm hoãn Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100 %
15	15/NQ-HĐQT	10/06/2021	Đôi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sang ngày 30/06/2021.	100 %
16	16/NQ-HĐQT	05/07/2021	Lựa chọn Công ty kiểm toán niên độ 2021	100 %
17	17/QĐ-HĐQT	04/11/2021	Thành lập, bổ nhiệm nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ	100 %

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	18/QĐ-HĐQT	19/11/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100 %
19	19/NQ-HĐQT	09/12/2021	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP	100 %
20	20/QĐ-HĐQT	15/12/2021	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng.	100 %
21	21/QĐ-HĐQT	15/12/2021	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng.	100 %
22	22/QĐ-HĐQT	20/12/2021	Miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị kiểm nhiệm Thứ kỳ công ty	100 %
23	23/QĐ-HĐQT	20/12/2021	Bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị kiểm nhiệm Thứ kỳ công ty	100 %

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, và Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT :

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Văn Tuyên	4/4	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Trần Vinh	4/4	100%	100%	

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: 100 % thành viên Hội đồng quản trị, và Ban Điều hành đều tham gia các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý.

#### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện và triển khai các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể :

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được soát xét, Báo cáo tài chính quý [1,2,3,4] năm 2021, Báo cáo thường niên năm 2020, Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020, Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2021.

- Tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 30/06/2021 tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An đúng theo pháp luật hiện hành.

- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2021 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

- Giám sát việc điều chỉnh Điều lệ, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc thay đổi vốn, thông tin đăng ký ngành nghề kinh doanh của Công ty tuân thủ theo pháp luật quy định.

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự cấp cao, điều chuyển về các vị trí chủ chốt giúp cho việc điều hành và quản lý tại các Công ty thành viên được giám sát chặt chẽ.

- Triển khai và giám sát tiến độ thi công nhà máy Rạng Đông Healthcare tại Khu CN Tân Đô, Long An.

**BAN KIỂM SOÁT/ ỦY BAN KIỂM TOÀN**

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	0,00%	
2	Ông Nguyễn Trán Vinh	Thành viên	0,00%	

**Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán**

- Giám sát, kiểm tra các công việc về lập báo cáo tài chính; các hoạt động của kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; việc chọn lựa và tư vấn đơn vị kiểm toán độc lập cho HĐQT; việc tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra và đánh giá các quy trình của hệ thống Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó để xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty niêm yết.

**Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Ra soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Ra soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị xem xét thông qua;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

**Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Ủy ban Kiểm toán được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán; có quyền yêu cầu đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán; lập báo cáo gửi HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.

**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS/ UBKT**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Thù lao ỦY BAN KIỂM TOÀN	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
360.000.000 VNĐ	0 VNĐ	1.395.456.763 VNĐ

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Ông Hồ Đức Lam giao dịch bán 6.200.000 cổ phiếu RDP

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

c1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).  
Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ giữa Công ty mẹ với Công ty con, Công ty liên kết mà Thành viên HĐQT là Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty của Công ty con, Công ty liên kết: năm 2021.

**Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An**

- Ông Hồ Đức Lam - CT HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding 500.370.096.438 VNĐ (RDP bán cho Cty con)
- Ông Hồ Đức Dũng - TV HĐQT/TGD Công ty CP Rạng Đông Holding 882.613.644.926 VNĐ (RDP mua)
- Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding
- Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An
- Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An
- Ông Trần Minh Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An

**Công ty Cổ phần Tiếp Vận Sông Dũng**

- Ông Hồ Đức Dũng - TV HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding 2.310.630.250 VNĐ (cung ứng dv cho Cty mẹ)
- Ông Hồ Đức Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiếp Vận Sông Dũng

**Công ty Cổ phần Rạng Đông Films**

- Ông Hồ Đức Lam - CT HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding 388.806.464.107 VNĐ (RDP bán cho Cty con)
- Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding 42.932.178.745 VNĐ (RDP mua)
- Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Rạng Đông Films
- Ông Trần Minh Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Rạng Đông Films

**Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare**

- Ông Hồ Đức Dũng - TV HĐQT Cty CP Rạng Đông Holding 11.472.239.273 VNĐ (RDP bán cho Cty liên kết)
- Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding
- Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Rạng Đông Healthcare
- Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT/TGD Công ty CP Rạng Đông Healthcare

**Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông**

- Ông Hồ Đức Lam - CT HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding 136.704.617.130 VNĐ (RDP bán cho Cty con)
- Ông Hồ Đức Dũng - TV HĐQT/TGD Công ty CP Rạng Đông Holding 25.152.576.228 VNĐ (RDP mua)
- Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding
- Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Trading Rạng Đông
- Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Trading Rạng Đông
- Ông Trần Minh Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Trading Rạng Đông

c2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

c3. Các giao dịch khác của công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 34

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát**

Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2005 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 03 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giá đỡ, tôn, van nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải); sản xuất nhựa tổng hợp, thuốc da tai trụ số). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tai trụ số). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sản lập mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tai trụ số). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà; Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tai trụ số); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

**Ban kiểm toán nội bộ**

Bà Mai Thị Thanh Hào	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Hồ Đức Lam

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trong yếu tố hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trong yếu tố báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Phó Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kiểm toán viên

Nguyễn Văn Tinh

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3919-2022-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.316.724.272.293</b>	<b>1.212.067.019.502</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>30.385.023.269</b>	<b>26.100.272.786</b>
1. Tiền	111		28.601.023.269	26.100.272.786
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.784.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.480.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.480.000.000	3.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>522.034.683.258</b>	<b>549.412.005.147</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	426.187.207.120	452.751.465.579
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81.245.006.141	77.723.587.951
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	15.844.763.767	20.189.285.387
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.252.293.770)	(1.252.293.770)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>727.649.963.223</b>	<b>585.869.360.180</b>
1. Hàng tồn kho	141		727.649.963.223	585.869.360.180
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.174.602.543</b>	<b>46.985.381.389</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4.400.005.885	11.731.447.211
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.745.028.287	35.207.376.508
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	29.568.371	46.557.670
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>905.705.112.711</b>	<b>972.727.588.844</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.711.340.190</b>	<b>16.401.305.322</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	15.711.340.190	16.401.305.322
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>669.937.459.672</b>	<b>717.509.626.217</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	550.086.310.593	590.243.053.606
- Nguyên giá	222		1.023.882.875.231	1.042.110.445.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.796.664.638)	(451.867.391.883)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	102.919.656.461	105.013.882.982
- Nguyên giá	225		145.708.654.491	134.516.050.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(42.788.998.030)	(29.504.167.418)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.931.492.618	22.252.689.629
- Nguyên giá	228		21.973.007.526	27.258.132.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.041.514.908)	(5.005.442.397)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>24.067.677.120</b>	<b>41.393.499.691</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	24.067.677.120	41.393.499.691
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>126.085.898.267</b>	<b>127.050.675.189</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		126.085.500.347	127.050.277.259
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		397.920	397.920
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.902.737.462</b>	<b>70.372.482.425</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	68.563.524.295	69.010.397.661
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	1.339.213.167	1.362.084.764
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.222.429.385.004</b>	<b>2.184.794.608.346</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.717.056.169.189</b>	<b>1.716.025.228.534</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.180.785.498.058</b>	<b>1.124.810.969.656</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	163.089.683.000	250.073.774.089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	14.370.493.626	15.049.824.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.715.133.388	8.943.188.311
4. Phải trả người lao động	314		8.579.240.635	11.732.300.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.054.276.730	7.668.103.132
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	109.209.438.439	28.555.816.179
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	862.531.877.762	802.552.609.650
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.354.478	235.354.478
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>536.270.691.131</b>	<b>591.214.258.878</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	156.937.500.000	156.937.500.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	2.706.535.928	2.783.865.526
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	1.462.100.000	1.837.412.522
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	374.971.599.819	429.655.480.830
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	182.955.384	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>505.373.195.816</b>	<b>468.769.379.812</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>505.373.195.816</b>	<b>468.769.379.812</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		476.405.860.000	410.899.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		476.405.860.000	410.899.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.638.670.000	25.638.670.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.998.449.697	68.706.099.897
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(73.734.275.407)	(100.765.890.422)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(106.766.890.422)	7.739.984.981
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này (Trong đó):	421b		33.031.615.015	(114.505.875.403)
+ Lợi nhuận sau thuế theo kết quả kinh doanh			33.031.615.015	1.379.173.509
+ Lợi nhuận sau thuế do tăng tỷ lệ sở hữu công ty con			-	(115.885.048.912)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		72.152.378.571	68.580.177.582
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.222.429.385.004</b>	<b>2.184.794.608.346</b>

Người lập báo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chức

Đỗ Minh Luân

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Đức Lam



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.721.143.077.946	2.757.291.165.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.786.918.120	12.980.615.506
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.711.376.159.826	2.744.310.549.655
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.487.882.961.885	2.549.288.942.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		223.493.197.941	195.021.607.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.159.839.033	559.732.803
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	95.671.952.916	94.037.101.902
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.910.534.050	93.600.289.772
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(964.776.922)	1.108.137.938
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	28.085.190.818	34.026.558.977
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	66.733.930.378	61.880.854.685
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.197.185.941	6.744.962.404
12. Thu nhập khác	31	VI.9	20.783.758.552	5.731.849.847
13. Chi phí khác	32	VI.10	5.146.009.573	3.740.159.723
14. Lợi nhuận khác	40		15.637.748.979	1.991.690.124
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.834.934.920	8.736.652.528
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	14.890.291.935	5.725.251.758
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	215.826.981	(189.665.786)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.728.816.004	3.201.066.556
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		33.031.615.015	1.379.173.509
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.697.200.989	1.821.893.047
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	693	29

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cúc

Đỗ Minh Luân

Hồ Đức Lam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.834.934.920	8.736.652.528
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	59.868.626.368	80.722.430.294
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.932.396.541)	(5.679.878.844)
- Chi phí lãi vay	06	89.910.534.050	93.600.289.772
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	183.681.698.796	177.379.493.750
thay đổi vốn lưu động			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	43.956.248.756	179.692.932.974
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(141.780.603.043)	(171.384.883.202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.546.588.687	(80.144.946.277)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.778.314.692	14.140.476.183
- Tiền lãi vay đã trả	14	(89.139.967.048)	(96.023.431.994)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.832.499.856)	(14.281.725.043)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(27.000.000)
30. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.790.219.016)	29.351.216.391
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(57.718.743.856)	(42.984.410.215)
2. Tiền chi từ thanh lý tài sản cố định	22	66.573.088.729	28.139.229.660
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(3.480.000.000)	(3.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	3.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.231.040.151)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	38.237.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	455.877.525	178.920.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.530.222.398	(362.300.364)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.202.331.423.495	1.971.288.174.837
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.176.087.492.365)	(1.978.108.763.015)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(26.699.184.029)	(34.456.006.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(455.252.899)	(41.276.594.220)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.284.750.483	(12.287.678.193)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.100.272.788	38.387.950.979
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	30.385.023.269	26.100.272.786

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cúc

Đỗ Minh Luân

Hồ Đức Lam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rang Đồng đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2005 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, van nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tài chế phê thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng đàn du, công nghiệp. Sơn lắp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Văn tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng số Công ty con tại ngày 31/12/2021 là: 4 công ty.

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Nhựa Rang Đồng Long An	KCN Tân Đổ, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	85%	85%
Công ty CP Agriculture Rang Đồng	KCN Tân Đổ, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	51%	0%
Công ty CP Trading Rang Đồng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rang Đồng Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	99,9%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2021 là: 3 công ty, các công ty con còn lại không hợp nhất vì các công ty này Công ty chưa góp vốn.

Công ty con được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Nhựa Rang Đồng Long An	KCN Tân Đổ, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	85%	85%
Công ty CP Trading Rang Đồng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rang Đồng Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	99,9%

Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2021 là: 2 công ty.

Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 2 công ty.

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Rang Đồng Healthcare	Lô G4-G8, đường số 8 KCN Tân Đổ, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu	40,7%	40,7%
Công ty CP tiếp vận Sông Dông	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Vận tải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45%	45%

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Rang Đông Holding (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác  
Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phân loại theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:  
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm/1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;  
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;  
Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 10 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng khoản ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**17. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**19. Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giá định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng

Các ước tính và giá định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giá định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	261.480.782	108.222.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.339.542.487	25.992.050.497
Các khoản tương đương tiền (*)	1.784.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.385.023.269</b>	<b>26.100.272.786</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 3%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.480.000.000	3.480.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.480.000.000</b>	<b>3.480.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn đáo hạn ban đầu từ trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất 3,5%/năm.

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị thuần ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thuần ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sông Đứng	6.273.000.000	5.290.696.052	(*)	6.273.000.000	6.201.426.066	(*)
Công ty Cổ phần Rạng Đông Health care	122.000.000.000	120.764.804.295	(*)	122.000.000.000	120.848.851.203	(*)
<b>Cộng</b>	<b>128.273.000.000</b>	<b>126.055.500.347</b>		<b>128.273.000.000</b>	<b>127.050.277.269</b>	

(\*) Tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 31/12/2020, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Gò Đàng (11 cổ phiếu)	397.920	(*)	-	397.920	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>397.920</b>			<b>397.920</b>		

(\*) Tại ngày 31/12/2021 và tại ngày 31/12/2020, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>243.498.888.618</b>	<b>231.430.992.120</b>
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Minh Phát Đạt	43.312.945.802	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ánh Hồng	30.370.654.957	52.760.973.810
Phải thu các khách hàng khác (*)	169.815.286.859	178.670.018.310
<b>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)</b>	<b>182.698.318.502</b>	<b>221.320.473.459</b>
<b>Cộng</b>	<b>426.197.207.120</b>	<b>452.751.465.579</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có phải thu của khách hàng nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>79.445.006.141</b>	<b>77.692.163.051</b>
Công ty TNHH Tân Huy Thịnh	695.574.000	4.250.981.460
Zhejiang Mingri Holdings Group Co., LTD	8.631.500.000	-
Henan Fengbai Industrial Co., Ltd	5.895.456.000	-
Trả trước người bán khác	64.222.476.141	73.441.181.591
<b>Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>31.404.900</b>
<b>Cộng</b>	<b>81.245.006.141</b>	<b>77.723.567.951</b>

5. Phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>15.844.763.767</b>	<b>20.189.265.387</b>
Tạm ứng	7.516.060.890	10.898.676.568
Ký quỹ, ký cược	5.938.461.438	7.637.414.609
Phải thu khác	2.390.241.439	1.653.174.210
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>15.711.340.190</b>	<b>16.401.305.322</b>
Ký cược, ký quỹ	13.672.955.276	13.295.729.093
Phải thu khác	2.038.384.914	3.105.576.229
<b>Cộng</b>	<b>31.556.103.957</b>	<b>36.590.570.709</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Đối tượng	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Wujiang Yige Import & Export Co., Ltd	847.485.687	-	(847.485.687)	847.485.687	-	(847.485.687)
Các đối tượng khác	404.808.083	-	(404.808.083)	404.808.083	-	(404.808.083)
<b>Cộng</b>	<b>1.252.293.770</b>	<b>-</b>	<b>(1.252.293.770)</b>	<b>1.252.293.770</b>	<b>-</b>	<b>(1.252.293.770)</b>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	513.470.916.529	-	391.262.971.498	-
Công cụ, dụng cụ	5.177.196.517	-	4.891.372.121	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.268.533.319	-	26.401.510.069	-
Thành phẩm	96.976.670.385	-	85.724.171.960	-
Hàng hoá	53.756.646.473	-	77.589.334.532	-
<b>Cộng</b>	<b>727.649.963.223</b>	<b>-</b>	<b>585.869.360.180</b>	<b>-</b>

8. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>4.400.005.885</b>	<b>11.731.447.211</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.560.545.745	5.114.770.286
Chi phí bảo hiểm	-	233.773.732
Chi phí trả trước khác	1.839.460.139	6.382.903.193
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>68.563.524.295</b>	<b>69.010.397.661</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.365.973.669	10.524.013.835
Chi phí thuê đất (*)	49.701.979.521	51.066.793.336
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.495.571.205	7.400.590.491
<b>Cộng</b>	<b>72.963.530.180</b>	<b>80.741.844.872</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 14 tháng 11 năm 2016 được cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.232.128.753	9.056.924.820
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	3.701.254.400
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.530.874.353	5.355.670.420
Mua sắm tài sản cố định	17.835.648.367	32.336.574.871
<b>Cộng</b>	<b>24.067.677.120</b>	<b>41.393.499.691</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	398.767.617.832	551.084.545.916	56.493.327.955	35.764.953.786	1.042.110.445.489
Mua trong năm	-	14.978.283.557	3.261.381.818	-	18.239.665.375
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.830.678.049	-	-	-	2.830.678.049
Thanh lý, nhượng bán	(19.212.999.877)	(10.715.589.955)	(9.376.523.850)	-	(39.305.813.682)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>382.394.596.004</b>	<b>555.347.239.518</b>	<b>50.376.185.923</b>	<b>35.764.953.786</b>	<b>1.023.862.975.231</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	75.813.967.030	333.686.962.793	24.753.198.841	17.614.263.213	451.867.391.883
Khấu hao trong năm	11.932.563.957	25.994.843.049	5.097.746.029	2.833.437.320	46.858.190.365
Thanh lý, nhượng bán	(5.337.134.449)	(10.419.010.863)	(8.173.172.288)	-	(23.929.317.600)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>82.409.396.544</b>	<b>349.261.794.979</b>	<b>21.677.772.582</b>	<b>20.447.700.533</b>	<b>473.796.664.638</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	322.953.650.796	217.398.583.123	31.740.129.114	18.150.600.573	590.243.053.606
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>299.895.195.460</b>	<b>206.095.444.539</b>	<b>28.698.413.341</b>	<b>15.317.263.263</b>	<b>550.086.310.593</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã đúng thể chấp, cầm cố các khoản vay  
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

19

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Máy móc thiết bị</b>		
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	134.518.050.400	11.190.604.091
Số tăng trong năm	8.234.604.091	-
- Thuê tài chính trong kỳ	2.956.000.000	-
- Tăng từ xâu dựng dở dang	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>145.708.654.491</b>	<b>11.190.604.091</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	29.504.167.418	13.284.830.612
Khấu hao trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.788.998.030</b>	<b>13.284.830.612</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	105.013.882.982	105.013.882.982
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>102.919.656.461</b>	<b>102.919.656.461</b>

## 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Hệ thống quản lý, hệ thống iso	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	22.681.468.446	4.050.450.000	627.213.580	27.259.132.026
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(5.286.124.500)	-	-	(5.286.124.500)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.395.343.946</b>	<b>4.050.450.000</b>	<b>627.213.580</b>	<b>21.973.007.526</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	3.550.453.817	928.775.000	527.213.580	5.006.442.397
Khấu hao trong năm	426.705.401	298.500.000	-	725.205.401
Thanh lý, nhượng bán	(690.132.890)	-	-	(690.132.890)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.287.026.328</b>	<b>1.227.275.000</b>	<b>527.213.580</b>	<b>5.041.514.908</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	19.131.014.629	3.121.675.000	-	22.252.689.629
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.108.317.618</b>	<b>2.823.175.000</b>	<b>-</b>	<b>16.931.492.618</b>
			31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã đúng thể chấp, cầm cố các khoản vay		5.479.718.171	5.645.060.302	





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lãi tài sản góp vốn vào công ty liên kết	2.706.535.928	2.783.865.628
<b>Cộng</b>	<b>2.706.535.928</b>	<b>2.783.865.628</b>

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.339.213.167	1.362.084.764
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.339.213.167	1.362.084.764
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>192.955.384</b>	<b>192.955.384</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	192.955.384	

23

CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐỒNG HOLDING  
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>802.552.609.650</b>	<b>2.224.040.055.411</b>	<b>2.164.060.787.789</b>	<b>862.531.877.762</b>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 20.1)	776.065.314.716	2.195.562.396.475	2.137.573.262.965	834.054.218.826
Nợ thuê tài chính ngắn hạn trả (Thuyết minh 20.3)	26.487.294.934	28.477.658.936	26.487.294.934	28.477.658.936
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>429.665.480.830</b>	<b>12.519.667.020</b>	<b>67.203.548.031</b>	<b>374.971.599.819</b>
Vay các ngân hàng (Thuyết minh 20.2)	378.888.147.895	6.769.027.020	38.514.000.000	347.143.175.916
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh 20.3)	50.767.332.934	5.750.640.000	28.689.548.031	27.828.424.803
<b>Cộng</b>	<b>1.232.208.090.480</b>	<b>2.236.559.722.431</b>	<b>2.231.264.335.330</b>	<b>1.237.503.477.581</b>

20.1. Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số dư tại 31/12/2021	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	(%/năm)	
Ngân hàng Sinovac	22.356.422.000	5,8%	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	144.975.054.330	6,5% - 7,0%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	172.833.336.137	5,7% - 6,2%	Cổ phiếu RDP, tài sản của cổ nhân
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	136.158.730.345	6,3% - 6,5%	Cổ phiếu RDP
Ngân hàng TMCP Quân Đội	85.968.637.540	5,6% - 6,0%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM	39.645.056.517	6,5% - 8,9%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Maybank	90.144.872.500	6,5%	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Cho thuê xe chính quốc tế Việt Nam	10.000.000.000	6,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Tân Phong	44.344.034.939	6,0% - 6,5%	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	35.766.447.000	6,5% - 7,5%	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng Bangkok Eon chung TNHH	31.619.628.518	4,25% - 4,65%	Không có tài sản đảm bảo
Vay cá nhân	10.232.000.000	6%	Không có tài sản đảm bảo
<b>Cộng</b>	<b>834.054.218.826</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN RANG ĐỒNG HOLDING**  
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**20.2. Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn ngắn hạn như sau:**

Số dư tại 31/12/2021		Lãi suất VND. (%/năm)	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh TP.HCM	5.755.027.020	Thay đổi theo 3 tháng gần	May mốt thiết bị từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Hồ Chí Minh	341.388.147.986	7,70%	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và tài sản từ vốn vay
<b>Cộng</b>	<b>347.143.175.016</b>		

**20.3. Chi tiết nợ thuế tài chính như sau:**

Thời hạn	31/12/2021		01/01/2021		Lãi suất (%/năm)
	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuế VND	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuế VND	
Từ 1 năm trở xuống	31.691.274.149	3.213.615.213	31.594.260.052	5.206.965.118	5,2% - 6,3%
Trên 1 năm đến 5 năm	29.347.336.505	1.518.911.702	55.164.009.938	4.396.677.104	7,7% - 8,2%
Trên 5 năm					6,5% - 9,5%
<b>Cộng</b>	<b>61.038.610.654</b>	<b>4.732.526.915</b>	<b>86.858.269.990</b>	<b>9.603.642.222</b>	<b>7,4%</b>

Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam  
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam  
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam  
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Challenge  
Cộng

Thời hạn	31/12/2021		01/01/2021		Trả nợ gốc VND
	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuế VND	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuế VND	
Từ 1 năm trở xuống	31.691.274.149	3.213.615.213	31.594.260.052	5.206.965.118	26.487.294.934
Trên 1 năm đến 5 năm	29.347.336.505	1.518.911.702	55.164.009.938	4.396.677.104	50.767.332.834
<b>Cộng</b>	<b>61.038.610.654</b>	<b>4.732.526.915</b>	<b>86.858.269.990</b>	<b>9.603.642.222</b>	<b>77.254.627.768</b>

25

**CÔNG TY CỔ PHẦN RANG ĐỒNG HOLDING**

190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
373.367.160.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	45.072.034.981	438.358.062.189	653.053.139.822		
37.332.050.000				(37.332.050.000)				
				1.379.173.509	1.821.893.047	3.201.066.566		
				(115.885.048.912)	(58.489.951.088)	(174.375.000.000)		
					(6.369.826.566)	(6.369.826.566)		
<b>Số dư cuối năm trước:</b>	<b>410.699.210.000</b>	<b>25.638.570.000</b>	<b>1.912.212.955</b>	<b>68.705.099.697</b>	<b>(106.765.990.422)</b>	<b>68.580.177.582</b>	<b>468.769.379.812</b>	
65.706.650.000				(65.706.650.000)				
Phát hành cổ phiếu bằng quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn (*)				33.031.615.015	4.697.200.989	37.728.816.004		
Lãi trong năm nay				(1.125.000.000)		(1.125.000.000)		
Chia cổ tức				<b>2.998.449.697</b>	<b>(73.734.275.407)</b>	<b>72.152.376.571</b>	<b>505.373.196.916</b>	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>476.405.660.000</b>	<b>25.638.570.000</b>	<b>1.912.212.955</b>	<b>2.998.449.697</b>	<b>(73.734.275.407)</b>	<b>72.152.376.571</b>	<b>505.373.196.916</b>	

(\*) Ngày 05/04/2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 6.570.665 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 302/NHCHĐCĐ/2020 ngày 30/12/2020. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 410.699.210.000 đồng lên 476.405.660.000 đồng.

26

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	410.699.210.000	373.367.160.000
Vốn góp tăng trong năm	65.706.650.000	37.332.050.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	476.405.860.000	410.699.210.000
Cổ tức đã chia	-	37.332.050.000
- Bằng cổ phiếu	-	37.332.050.000

**c) Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.640.586	41.069.921
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.640.586	41.069.921
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	47.640.586	41.069.921
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.640.586	41.069.921
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).		

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Đơn vị tính	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại			
Trong đó: - Đô la Mỹ	USD	220.378.29	365.195,31
- Euro	EUR	-	295,62

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nhựa	2.709.831.363.602	2.749.567.997.980
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.311.714.344	7.723.167.181
<b>Cộng</b>	<b>2.721.143.077.946</b>	<b>2.757.291.165.161</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	2.888.434.615	1.184.329.777
Giảm giá hàng bán	26.904.268	2.461.436.584
Hàng bán bị trả lại	6.851.579.237	9.344.849.145
<b>Cộng</b>	<b>9.766.918.120</b>	<b>12.990.615.506</b>

**3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.711.376.169.826	2.744.310.549.655
<b>Cộng</b>	<b>2.711.376.169.826</b>	<b>2.744.310.549.655</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)	228.058.272.631	997.592.083.370

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	2.487.651.725.989	2.549.258.260.610
Giá vốn cung cấp dịch vụ	231.235.896	30.681.818
<b>Cộng</b>	<b>2.487.882.961.885</b>	<b>2.549.288.942.428</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	455.877.525	176.920.442
Lãi bán các khoản đầu tư	-	58.759.065
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.703.961.509	324.054.296
<b>Cộng</b>	<b>5.159.839.033</b>	<b>559.732.803</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	89.910.534.050	93.600.289.772
Lỗ bán các khoản đầu tư	-	30.420.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.761.418.866	408.391.947
<b>Cộng</b>	<b>95.671.952.916</b>	<b>94.037.101.902</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	7.280.984.693	7.241.251.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.103.599.059	1.192.008.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.344.124.968	23.846.929.752
Chi phí bán hàng khác	1.356.482.098	1.946.358.601
<b>Cộng</b>	<b>28.085.190.818</b>	<b>34.026.558.977</b>

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	27.084.770.401	21.567.403.543
Chi phí dụng cụ, vật tư quản lý	2.889.473.624	2.662.272.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.803.599.318	9.230.069.247
Chi phí thuê, phí, lệ phí	5.997.297.058	7.213.737.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.635.132.642	13.430.114.864
Chi phí bằng tiền khác	9.323.657.335	7.787.256.966
<b>Cộng</b>	<b>66.733.930.378</b>	<b>61.880.854.685</b>

9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	19.353.986.340	120.384.659
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	424.250.743	201.414.473
Thu nhập khác	995.541.469	5.410.050.715
<b>Cộng</b>	<b>20.783.758.552</b>	<b>5.731.849.847</b>

10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản nộp phạt	2.554.065.047	3.315.169.712
Phạt vi phạm hợp đồng	800.492.815	-
Chi phí khác	1.791.451.711	424.990.011
<b>Cộng</b>	<b>5.146.009.573</b>	<b>3.740.159.723</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất khác nhau trên thu nhập tính thuế của từng công ty.		
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của công ty mẹ	9.661.090.138	1.786.385.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty con	5.229.201.797	3.938.866.375
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.890.291.935</b>	<b>5.725.251.758</b>

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	192.955.384	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(572.239.025)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.871.597	466.996.029
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(84.422.790)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>215.826.981</b>	<b>(189.665.786)</b>

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	33.031.615.015	1.379.173.509
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông có quyền sở hữu cổ phiếu phổ thông công ty mẹ	33.031.615.015	1.379.173.509
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	47.640.586	47.640.586
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>693</b>	<b>29</b>

**Ghi chú:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do trong năm Công ty phát hành cổ phiếu bằng quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	903.283.477.270	597.720.061.823
Chi phí nhân công	111.730.390.691	118.757.623.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.868.626.368	80.722.430.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.642.462.412	98.000.975.157
Chi phí khác bằng tiền	16.608.666.050	17.097.320.174
<b>Cộng</b>	<b>1.163.133.622.780</b>	<b>1.012.298.411.234</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản bằng nợ thuế tài chính	5.750.640.000	29.674.790.703
Tăng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	37.332.060.000
Tăng vốn bằng quỹ đầu tư phát triển	65.706.650.000	-
Góp vốn vào đơn vị khác bằng tài sản cố định	-	92.000.000.000

**2. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	2.202.331.423.495	1.971.288.174.837

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(2.202.786.676.394)	(2.012.564.769.057)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Thông tin về vụ kiện**

Ngày 08/09/2017 Công ty có ký Hợp đồng bán 20% tổng số cổ phần tại Công ty CP Nhựa Rang Đông Long An (RLP) cho Sojitz Pia-Net Corporation (Sojitz) với giá 174.375.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng Sojitz đã chuyển 90% giá trị hợp đồng (tương ứng là 156.937.500.000 đồng) cho Công ty, 10% giá trị hợp đồng còn lại được Sojitz chuyển vào tài khoản tạm khóa mở tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Theo mục 5.5.3 của Hợp đồng "Trường hợp bất kỳ điều kiện sau hoàn tất tác không được đáp ứng trước ngày hoàn tất năm thứ nhất hoặc ngày sau đó do các bên thỏa thuận bằng văn bản, với điều kiện là ngày sau đó không muộn hơn ngày RLP được hoàn tất, không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào của bên mua trong hợp đồng này, bên mua có quyền, theo quyền tự quyết của mình, quyết định chấm dứt hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên bán và công ty".

Ngày 30/03/2020 Sojitz đã gửi công văn cho Công ty và RLP đề nghị báo việc chấm dứt hợp đồng mua bán cổ phần đã ký ngày 08/09/2017. Ngày 28/05/2020 Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đã ra Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của RLP – theo đó Sojitz không còn là Cổ đông nước ngoài của RLP và số cổ phần của RLP được hoàn trả lại cho Công ty. Do vậy, Công ty đã ghi nhận tăng tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư vào công ty con – RLP từ 65% lên 85% vốn điều lệ và ghi nhận một khoản phải trả tương ứng.

Tuy nhiên thỏa thuận giữa hai bên về việc hoàn trả 90% tiền mua cổ phần trước đây (tương đương 156.937.500.000 đồng) cũng như các chi phí phát sinh kèm theo liên quan đến hợp đồng mua bán và các khoản tiền lãi Công ty phải trả cho Sojitz liên quan đến khoản tiền Sojitz đã trả cho Công ty không đạt được sự thống nhất giữa hai bên nên vụ việc đã được Sojitz đưa ra trong tài quốc tế SIAC tại Singapore để giải quyết. Ngày 16/07/2020 Trọng tài quốc tế SIAC tại Singapore đã gửi thông báo về việc giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn chưa nhận được phán quyết của Trọng tài quốc tế SIAC liên quan đến vụ việc này.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu</b>			<b>228.058.272.631</b>	<b>997.592.083.370</b>
Công ty CP Rang Đông HealthCare	Công ty liên kết	Bán hàng Cung cấp dịch vụ	71.464.461.729 517.636.362	107.865.472.006 -
Công ty TNHH Tăng Tốc Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	Bên liên quan Bên liên quan	Bán hàng	- 166.010.720.000	105.409.418.450 784.317.192.914
Công ty CP tiếp vận Sông Đông	Cùng tập đoàn	Bán hàng	65.454.540	-
<b>Các hoạt động khác</b>				
Công ty CP Rang Đông Healthcare		Mua hàng Bán tài sản Góp vốn bằng tài sản Góp vốn bằng tiền Mượn tiền Trả tiền	2.766.458.557 10.545.512.000 - - - 12.860.000.000 29.798.303.300	- - 92.000.000.000 20.925.000.000 - - -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các hoạt động khác (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	Bên liên quan	Mua hàng	195.877.185.391	918.899.499.043
Công ty TNHH Tăng Tốc	Bên liên quan	Mua hàng	-	249.509.647.706
Công ty CP tiếp vận Sông Dũng	Công ty liên kết	Chi phí dịch vụ	14.905.243.066	10.911.934.387
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	Mượn tiền	88.852.096.000	42.579.807.500
		Trả tiền	53.787.607.960	42.579.807.500
		Chuyển nhượng vốn (*)	-	540.000.000

(\*) Công ty chuyển nhượng 1% vốn sở hữu tại Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Thảo Nguyên cho ông Hồ Đức Lam.

Tại ngày cuối năm, Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

	31/12/2021	01/01/2021	
	VND	VND	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>182.698.318.502</b>	<b>221.320.473.459</b>	
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Bán hàng, tài sản	14.875.157.023	9.013.400.980
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	Bán hàng	167.823.161.479	212.307.072.479
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>31.404.900</b>	
Công ty TNHH Tăng Tốc	Mua hàng	-	31.404.900
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mua hàng	1.800.000.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.967.426.601</b>	<b>22.019.800.000</b>	
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Hoàng Quỳnh	Mua hàng	-	22.000.000.000
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mua hàng	1.967.426.601	19.800.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>37.152.328.682</b>	<b>19.036.143.942</b>	
Ông Hồ Đức Lam	Mượn tiền	35.064.488.040	-
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mượn tiền	2.087.840.642	19.036.143.942

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước	
	VND	VND	
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	80.000.000	-
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	40.000.000	-
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	40.000.000	-
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên	40.000.000	-
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	40.000.000	-
<b>Tổng Giám đốc</b>			
Ông Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/06/2020)	120.000.000	134.476.000
Ông Trần Trọng Triệp	Tổng Giám đốc (đến ngày 16/06/2020)	-	244.836.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Những người quản lý khác</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.395.456.763	990.672.000

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

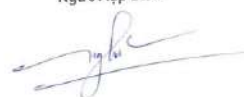
5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cúc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Luân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Đức Lam